

|||||
BẢN TIN

Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại

Số 41+42, Quý III+IV/2025

www.trungtamwto.vn



DOANH NGHIỆP

VIETNAM

VỚI THUẾ ĐỐI ỨNG
CỦA HOA KỲ





Quý Bạn đọc đang cầm trên tay Bản tin “Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại”, ấn phẩm xuất bản hàng quý của Phòng WTO và Hội nhập thuộc Ban Pháp chế, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Bản tin “Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại” cung cấp các thông tin thời sự cập nhật và các thảo luận chuyên sâu về các sự kiện, câu chuyện hội nhập kinh tế quốc tế, tự do hóa thương mại, đặc biệt là qua các Hiệp định thương mại tự do (FTA) ở Việt Nam và trên thế giới.

Với cách tiếp cận thực tiễn và các phân tích cụ thể từ góc nhìn của doanh nghiệp. Bản tin hy vọng mang tới những thông tin hữu ích cho các doanh nghiệp, góp phần cùng doanh nghiệp chủ động tìm hiểu, chuẩn bị kế hoạch và triển khai hành động, tận dụng hiệu quả các lợi ích từ quá trình tự do hóa thương mại của Việt Nam.



PHÒNG WTO VÀ HỘI NHẬP, BAN PHÁP CHẾ
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Kim Liên, Hà Nội
Điện thoại: +84 24 35771458
Email: banthuky@trungtamwto.vn
Facebook.com/trungtamwtovahoinhap

www.trungtamwto.vn

www.chongbanphagia.vn

www.aecvcci.vn

MỤC LỤC



TIN VIỆT NAM

- Bức tranh xuất nhập khẩu và đầu tư của Việt Nam năm 2025 **4**
- Làn sóng thuế quan mới của Hoa Kỳ và tác động đối với Việt Nam **16**
- Thúc đẩy quan hệ thương mại ổn định, cân bằng giữa Việt Nam và Hoa Kỳ **22**
- Xuất khẩu rau quả bất tốc mạnh mẽ **23**
- CBAM và thách thức ngày một lớn với doanh nghiệp **26**
- Việt Nam đón làn sóng FDI xanh và chất lượng cao **28**
- Tổng hợp diễn tiến phòng vệ thương mại trong sáu tháng cuối năm 2025 **29**



TIN QUỐC TẾ

- Tái khởi động cuộc chiến thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc **35**
- Kinh tế Hoa Kỳ sau loạt chính sách thuế quan mới **37**
- Kinh tế thế giới vượt lên những dự báo ảm đạm **38**
- CPTPP tiếp tục khẳng định sức hút toàn cầu **40**
- Indonesia hoàn tất đàm phán FTA với EU **41**
- Mercosur mở rộng mạng lưới FTA với các đối tác ở châu Âu **42**



CHUYÊN ĐỀ | DOANH NGHIỆP VIỆT NAM VỚI THUẾ ĐỐI ỨNG CỦA HOA KỲ **43**





TIN VIỆT NAM

Bức tranh xuất nhập khẩu và đầu tư của Việt Nam năm 2025





Về bức tranh xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2025



◆ Tình hình xuất nhập khẩu chung

Năm 2025, trong bối cảnh căng thẳng thuế quan bùng phát từ đầu nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống Mỹ Donald Trump, thúc đẩy xu hướng bảo hộ leo thang ở Hoa Kỳ và nhiều thị trường, kéo theo những rủi ro, bất định chưa từng có trong thương mại toàn cầu, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam vẫn ghi nhận các kết quả tăng trưởng ấn tượng. Theo số liệu của Cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt mức kỷ lục 930,1 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm 2024. Trong đó, xuất khẩu đạt 475,1 tỷ USD, tăng 17% và nhập khẩu đạt 455 tỷ USD, tăng 19,4% so với năm trước. Kết quả này giúp Việt Nam duy trì xuất siêu năm thứ 10 liên tiếp, với giá trị thặng dư thương mại đạt 20,1 tỷ USD (trong đó khu vực có

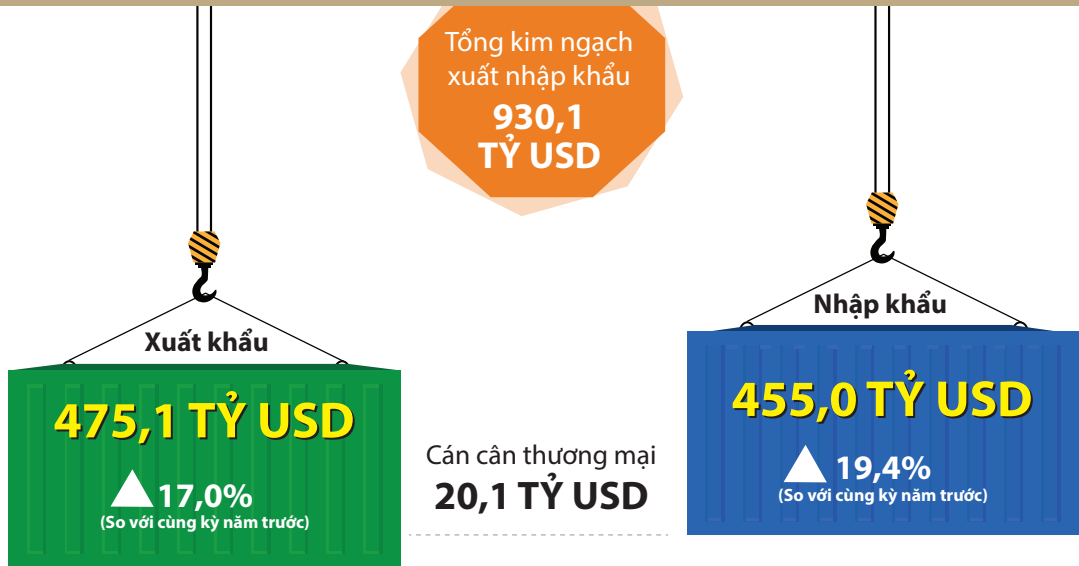
vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 48,1 tỷ USD, còn khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 28 tỷ USD).

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục giữ vai trò chủ chốt trong các hoạt động thương mại của Việt Nam và là động lực tăng trưởng chính của xuất nhập khẩu Việt Nam trong năm 2025. Cụ thể, khu vực này đóng góp khoảng 77% vào kim ngạch xuất khẩu (với 365,7 tỷ USD, tăng mạnh 26,4% so với năm trước), đồng thời chiếm 69,8% kim ngạch nhập khẩu (với 317,6 tỷ USD, tăng 31,9%).

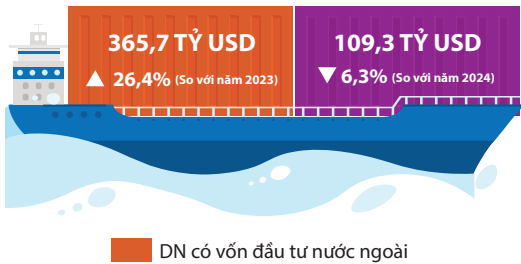
Trong khi đó, khu vực doanh nghiệp trong nước đối mặt với nhiều khó khăn với kết quả thương mại kém khả quan hơn, với kim ngạch xuất khẩu giảm 6,3% và nhập khẩu giảm 2% so với năm 2024.



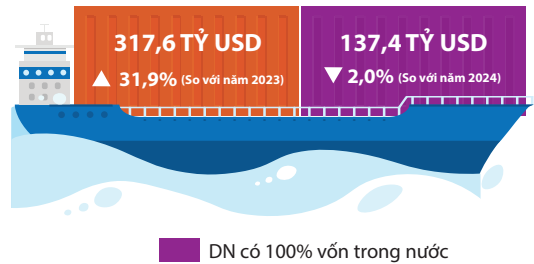
Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2025



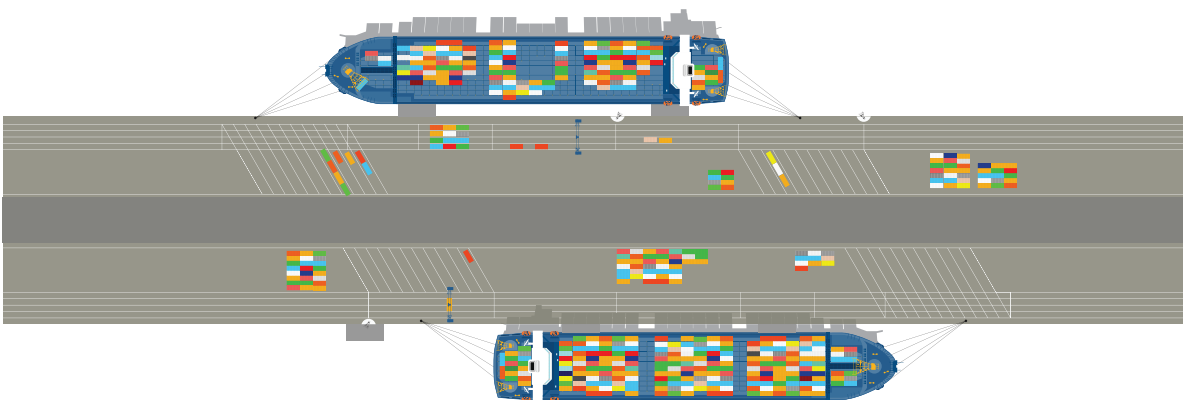
Tỷ lệ xuất khẩu theo loại hình vốn doanh nghiệp



Tỷ lệ nhập khẩu theo loại hình vốn doanh nghiệp



Nguồn: Cục Hải quan, Bộ Tài chính





Tình hình xuất nhập khẩu theo mặt hàng

Về xuất khẩu, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam năm 2025 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực từ năm 2024 khi toàn bộ 10/10 sản phẩm xuất khẩu chủ lực đều ghi nhận mức tăng trưởng dương. Trong đó, nhiều nhóm hàng đạt mức tăng ấn tượng, tiêu biểu như nhóm phương tiện vận tải - phụ tùng tăng 15%, sản phẩm điện tử - máy vi tính tăng 48,4%. Đặc biệt, hai nhóm hàng cà phê và đồ chơi, dụng cụ thể thao với mức tăng trưởng nổi bật - lần lượt đạt 58,8% và 148,2% - đã giúp hai nhóm hàng này lần đầu lọt vào nhóm 10 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam.

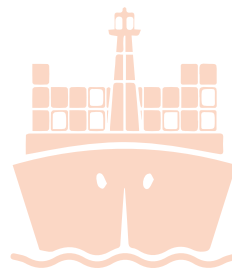
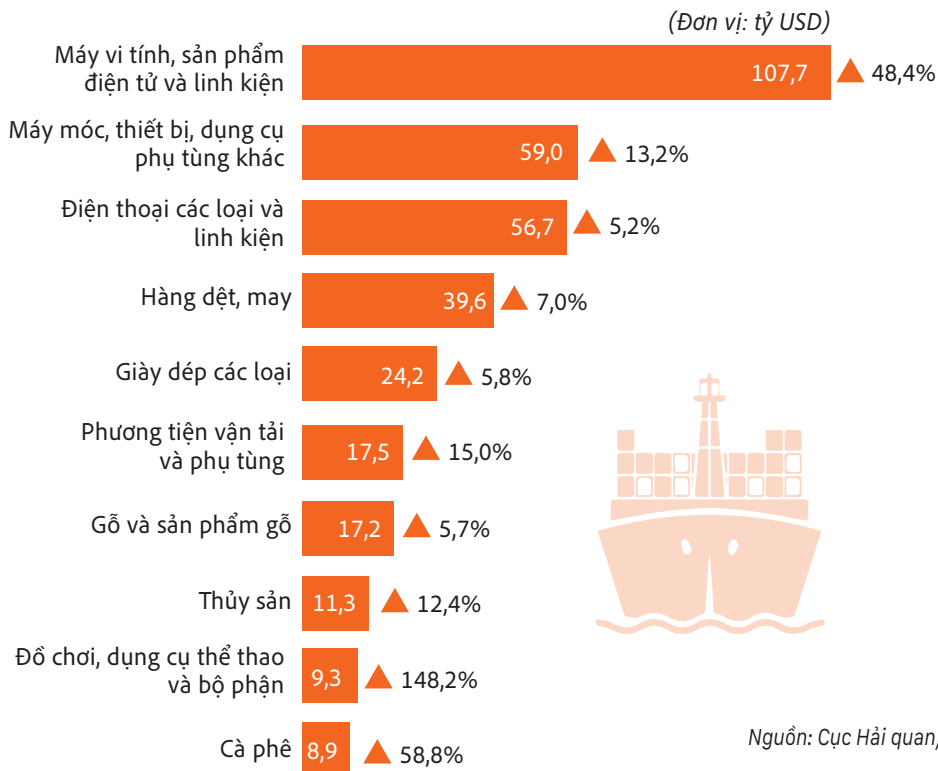
Ngược lại, năm 2025 lại chứng kiến sự sụt giảm mạnh 27% của sắt thép - khiến nhóm hàng này rời khỏi топ các mặt hàng xuất khẩu lớn nhất. Nguyên nhân chủ yếu đến từ các chính sách hạn chế nhập khẩu mới tại các thị trường lớn như Hoa Kỳ áp thuế bổ sung 25% đối với sản phẩm nhôm thép từ tháng 3/2025 (tăng lên 50% từ

đầu tháng 6), hay EU siết chặt hạn ngạch nhập khẩu từ tháng 4/2025.

Xét về quy mô, trong năm 2025, Việt Nam tiếp tục có 08 mặt hàng đạt giá trị trên 10 tỷ USD, 70,2% chiếm tổng kim ngạch xuất khẩu. Đáng chú ý, lần đầu tiên có một mặt hàng xuất khẩu - máy vi tính, sản phẩm điện tử - có kim ngạch vượt mốc 100 tỷ USD, khẳng định vai trò ngày càng lớn của các ngành công nghệ cao trong cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam.

Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu năm 2025 không có biến động đáng kể nào so với những năm trước. Nhóm hàng công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò chủ lực, chiếm 88,7% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước, tương ứng 421,5 tỷ USD. Tiếp đến là nhóm nông - lâm - thủy sản đạt 50,8 tỷ USD, chiếm 10,7%, trong khi nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ 0,6%, đạt 2,8 tỷ USD.

Tốp 10 sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam năm 2025



Nguồn: Cục Hải quan, Bộ Tài chính



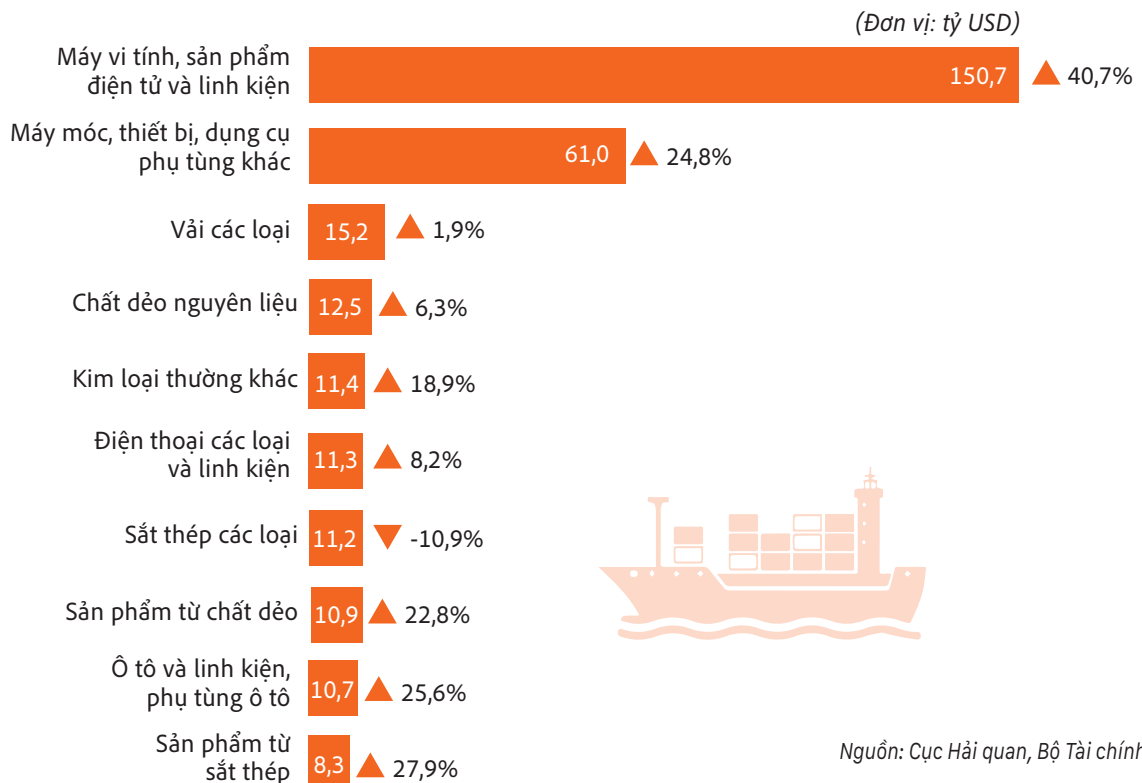
Về nhập khẩu, hầu hết các sản phẩm nhập khẩu chủ lực của Việt Nam đều tăng so với năm 2024, với cơ cấu gần tương tự như hàng xuất khẩu, đơn cử như nhóm sản phẩm máy vi tính, sản phẩm điện tử tăng 40,7%, ô tô và linh kiện tăng 25,6%, máy móc, thiết bị tăng 24,8%, sản phẩm từ chất dẻo tăng 22,8%... Diễn biến này cho thấy nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu, linh kiện và tư liệu sản xuất tiếp tục gia tăng, phục vụ cho xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

Sắt thép các loại là nhóm hàng duy nhất trong топ 10 chứng kiến sự sụt giảm trong năm 2025, giảm 10,9% so với năm trước. Nguyên nhân được cho là xuất phát từ năng lực sản xuất thép trong nước được mở rộng và nâng cao, trong khi thị trường xuất khẩu lại thu hẹp, với kim ngạch xuất khẩu giảm sút.

Xét về quy mô, trong năm 2025, có 58 mặt hàng đạt kim ngạch nhập khẩu trên 1 tỷ USD (tăng hai mặt hàng so với năm 2024), chiếm khoảng 95% tổng kim ngạch nhập khẩu. Đáng chú ý, có 09 mặt hàng trong số này đạt giá trị trên 10 tỷ USD (tăng 03 mặt hàng so với năm 2024), chiếm khoảng 65% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước.

Cơ cấu hàng hóa nhập khẩu không có thay đổi nào đáng chú ý trong năm 2025. Chiếm phần lớn trong tổng kim ngạch nhập khẩu là nhóm hàng tư liệu sản xuất (chiếm 93,6% với 426,1 tỷ USD), trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 52,7%; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 40,9%. Nhóm hàng tiêu dùng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ (6,4% với 28,9 tỷ USD).

Tốp 10 sản phẩm nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam năm 2025





◆ Tình hình xuất nhập khẩu theo thị trường

Năm 2025, trao đổi thương mại giữa Việt Nam và 06 đối tác lớn nhất là Trung Quốc, Hoa Kỳ, ASEAN, Hàn Quốc, EU và Nhật Bản đều ghi nhận những kết quả tích cực.

Về xuất khẩu, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong năm 2025, chiếm 32,3% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, tăng so với mức 29,5% của năm 2024. Kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này đạt 153,2 tỷ USD, tăng mạnh 28,2% so với năm trước. Cùng với đó, cán cân thương mại của Việt Nam với Hoa Kỳ tiếp tục duy trì trạng thái thặng dư với giá trị xuất siêu đạt gần 134 tỷ USD, tăng mạnh so với mức 104,6 tỷ USD của năm 2024, trong bối cảnh kim ngạch xuất khẩu vẫn gấp 8 lần kim ngạch nhập khẩu.

Đáng chú ý, xuất khẩu Việt Nam sang Hoa Kỳ vẫn tăng trưởng ấn tượng bất chấp việc nước này liên tiếp áp đặt nhiều loại thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu, đặc biệt là thuế đối ứng. Kết quả này một phần được lý giải từ thực tế là nhiều đơn hàng xuất khẩu đã được ký kết trước thời điểm các chính sách thuế có hiệu lực, nhưng đồng thời cũng cho thấy khả năng thích ứng, duy trì năng lực cạnh tranh và giữ vững thị phần của hàng hóa Việt Nam tại thị trường Hoa Kỳ.

Sau Hoa Kỳ, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu năm 2025 đạt 70,5 tỷ USD, tăng 14,8% so với năm 2024. Các thị trường khác gồm Hàn Quốc, Nhật Bản, EU cũng ghi nhận các mức tăng trưởng khả quan, lần lượt đạt 12,7%, 8,8% và 8,6%,

Về nhập khẩu, Trung Quốc vẫn duy trì là nguồn cung hàng hóa lớn nhất của Việt Nam, với kim ngạch nhập khẩu năm 2025 đạt 186 tỷ USD, tăng mạnh 29% và chiếm tới 40,8% tổng nhập khẩu của cả nước. Nước này đồng thời cũng là nguồn nhập siêu lớn nhất của Việt Nam, với mức thâm hụt thương mại đạt 115,5 tỷ USD, mở rộng đáng kể so với mức 83,7 tỷ USD của năm 2024. Diễn biến này cho thấy xu hướng nhập siêu từ Trung Quốc không chỉ tiếp diễn mà còn gia tăng về quy mô, khi tỷ lệ nhập khẩu so với xuất khẩu tăng từ khoảng 2,4 lần năm 2024 lên 2,6 lần năm 2025, phản ánh mức độ phụ thuộc lớn và ngày càng tăng của Việt Nam vào nguồn cung hàng hóa từ thị trường này.

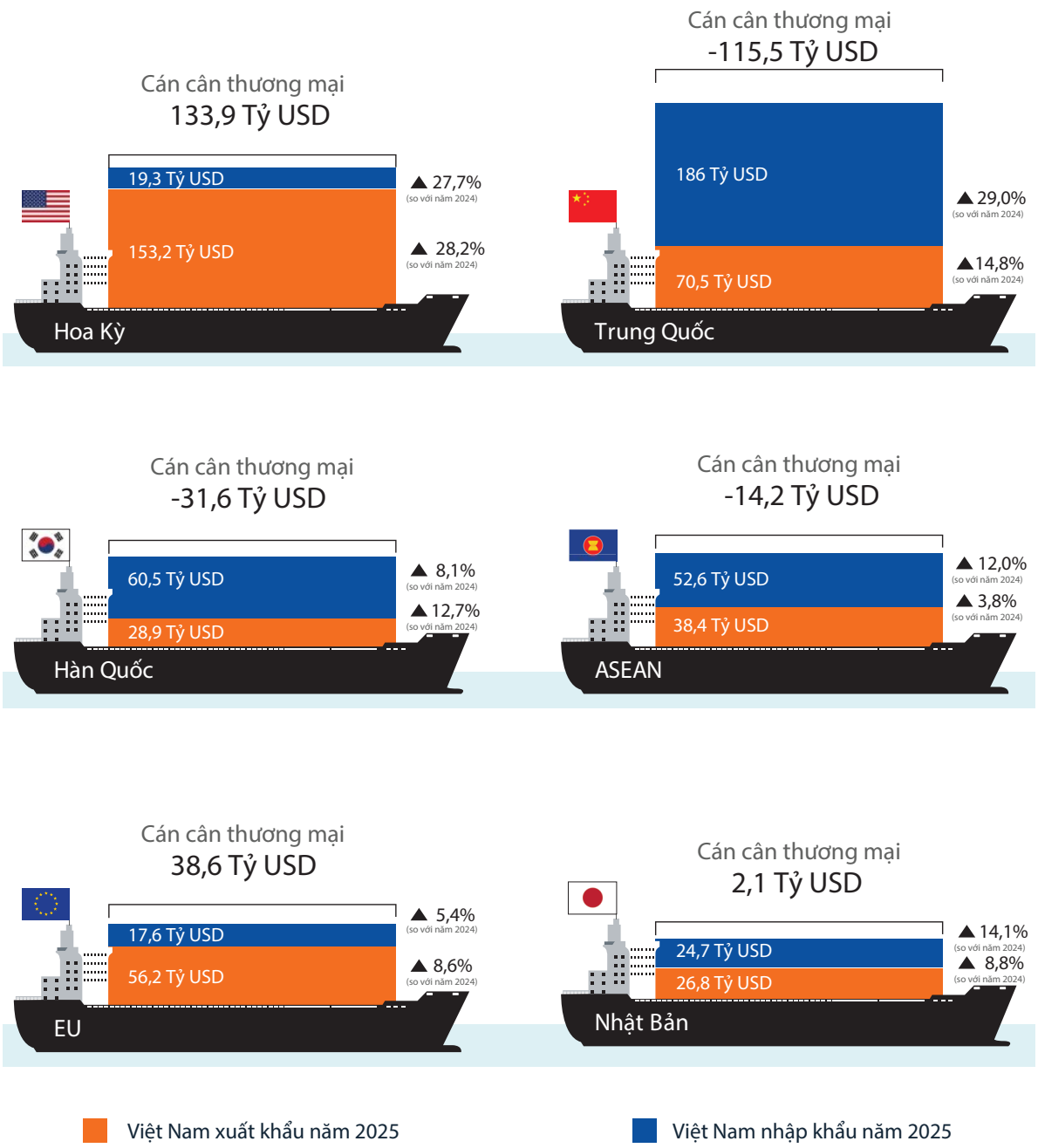
Sau Trung Quốc, Hàn Quốc là thị trường nhập khẩu hàng hóa lớn thứ hai của Việt Nam, với giá trị nhập khẩu năm 2025 đạt 60,5 tỷ USD, chiếm 13,3% tổng nhập khẩu của cả nước. Đây cũng là nguồn nhập siêu lớn thứ hai của Việt Nam, với giá trị thâm hụt thương mại tiếp tục được mở rộng, đạt 31,6 tỷ USD (so với mức 30,7 tỷ USD của năm 2024).

Đáng chú ý, năm 2025 ghi nhận sự gia tăng đáng kể hàng hóa nhập khẩu từ Hoa Kỳ, với 19,3 tỷ USD, tăng 27,7% so với năm 2024. Kết quả này phần nào cho thấy nỗ lực của Việt Nam trong việc cải thiện, hướng tới cân bằng hơn cán cân thương mại với Hoa Kỳ. Đây được xem là tín hiệu tích cực, tạo nền tảng thuận lợi cho việc tiếp tục đàm phán thương mại song phương và mở rộng hợp tác kinh tế giữa hai nước trong thời gian tới.





Kim ngạch xuất nhập khẩu với một số thị trường trọng điểm của Việt Nam năm 2025



Nguồn: Cục Hải quan, Bộ Tài chính

Về bức tranh thu hút đầu tư nước ngoài



◆ Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài chung

Theo số liệu của Cục Thống kê, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong năm 2025 chỉ tăng nhẹ 0,5% so với năm 2024. Trong tương quan với nửa đầu năm khi tổng vốn đầu tư nước ngoài tăng 32,6% so với cùng kỳ, với mức tăng đột biến của vốn điều chỉnh/tăng thêm (120,4%) và vốn đầu tư gián tiếp (73,6%), có thể thấy hoạt động đầu tư FDI vào Việt Nam trong nửa cuối năm có sự chững lại rõ rệt khi vốn điều chỉnh giảm gần 49% và vốn đăng ký mới giảm hơn 21%. Diễn biến không thuận này được cho là chịu ảnh hưởng đáng kể từ mối quan ngại và sự thận trọng của giới đầu tư trước những thay đổi và bất định trong chính sách thuế quan nói riêng và chính sách với thương mại đầu tư nói chung của chính quyền Hoa Kỳ trong năm 2025, đặc biệt là bắt đầu từ Quý II.

Vốn đăng ký cấp mới trong năm 2025 ghi nhận mức giảm 12,2%, tuy nhiên số lượng dự án lại tăng mạnh 20,1% với 4.054 dự án đầu tư mới. Điều này một mặt cho thấy sự quan tâm của nhiều nhà đầu

tư quy mô vừa và nhỏ vào thị trường Việt Nam, mặt khác cũng là chỉ dấu cần lưu ý về hiện tượng phân nhỏ quy mô đầu tư, đầu tư thăm dò hoặc thận trọng để theo dõi diễn biến thương mại toàn cầu.

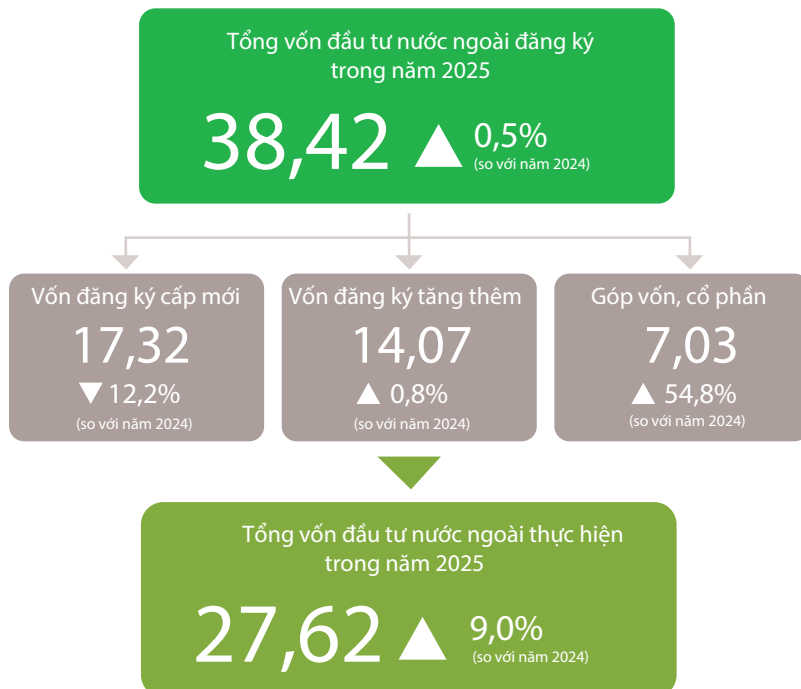
Xét về lĩnh vực đầu tư, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục khẳng định sức hút với các nhà đầu tư, với tổng vốn đăng ký mới đạt 9,8 tỷ USD, chiếm 56,6%. Tiếp theo là ngành kinh doanh bất động sản, thu hút 3,67 tỷ USD, chiếm 21,2% tổng vốn đăng ký.

Trong bức tranh chung không mấy sáng sủa, mức vốn giải ngân thực tế trở thành điểm sáng nổi bật khi thiết lập kỷ lục mới, đạt 27,6 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2024. Kết quả này không chỉ phản ánh niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư kinh doanh tại Việt Nam, bất chấp những biến động phức tạp của kinh tế toàn cầu, mà còn cho thấy việc triển khai hiệu quả các dự án FDI đã đăng ký, qua đó tạo động lực cho sự phát triển kinh tế trong giai đoạn sắp tới.



Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam năm 2025

(Đơn vị: tỷ USD)



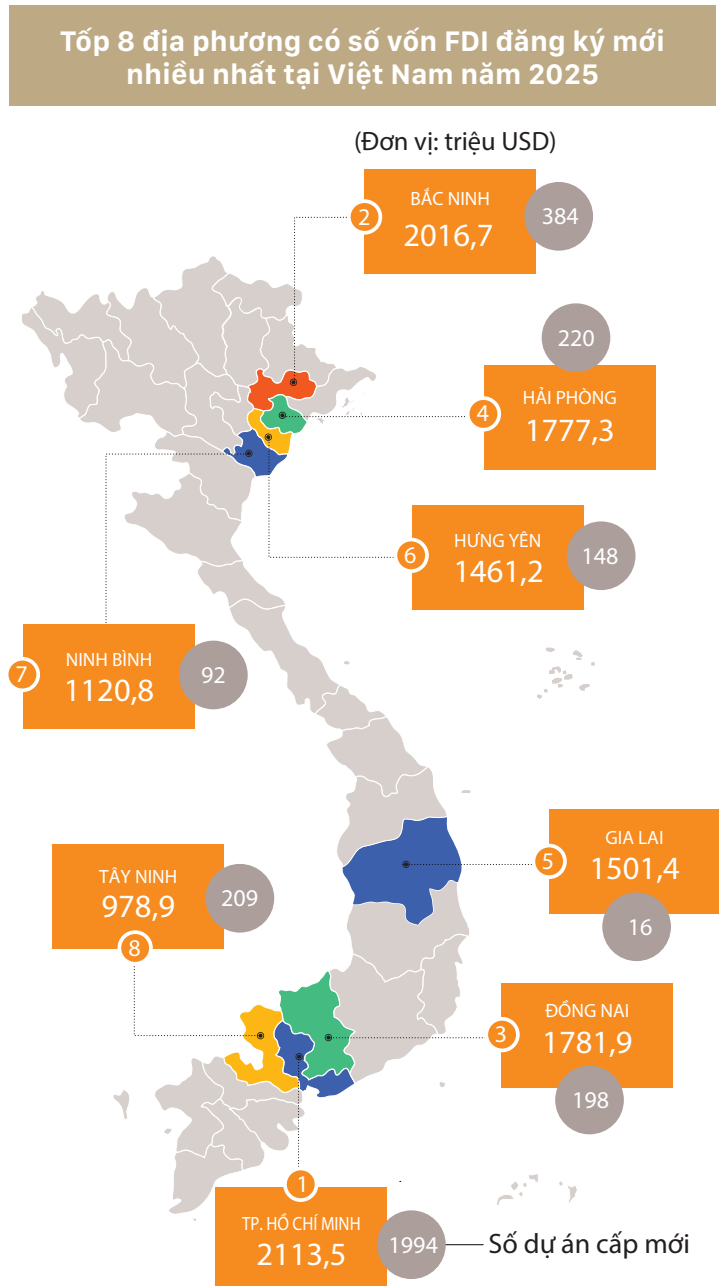
Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính

Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài theo địa phương

Danh sách các địa phương thu hút FDI đăng ký mới nhiều nhất năm 2025 có sự thay đổi lớn do việc phân chia lại địa giới hành chính kể từ ngày 01/7/2025. Theo Số liệu của Cục Thống kê, TP. Hồ Chí Minh là địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút đầu tư đăng ký mới với 2,1 tỷ USD cho gần 2.000 dự án. Kết quả này cho thấy, dù không xuất hiện các dự án FDI quy mô lớn trong năm 2025, TP. Hồ Chí Minh vẫn là điểm đến hấp dẫn đối với dòng vốn đầu tư quy mô vừa và nhỏ, thể hiện qua số lượng dự án tập trung ở mức cao.

Sau TP. Hồ Chí Minh, Bắc Ninh là tỉnh có số vốn FDI đăng ký mới lớn thứ 2 cả nước với tổng vốn đăng ký cấp mới đạt hơn 2 tỷ USD cho 384 dự án. Với kết quả này, Bắc Ninh tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những trung tâm thu hút FDI lớn nhất của Việt Nam.

Đáng chú ý, Gia Lai (sau sáp nhập với Bình Định) lần đầu góp mặt trong danh sách các địa phương có số vốn FDI đăng ký mới nhiều nhất trong năm 2025, xếp vị trí thứ 5 với 1,5 tỷ USD cho 16 dự án đầu tư mới. Trong đó, nổi bật là Dự án Tổ hợp sản xuất và tái chế vải polyester của Tập đoàn Syre (Thụy Điển) với tổng vốn lên đến 1 tỷ USD, trở thành dự án FDI lớn nhất của tỉnh từ trước đến nay.



Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính



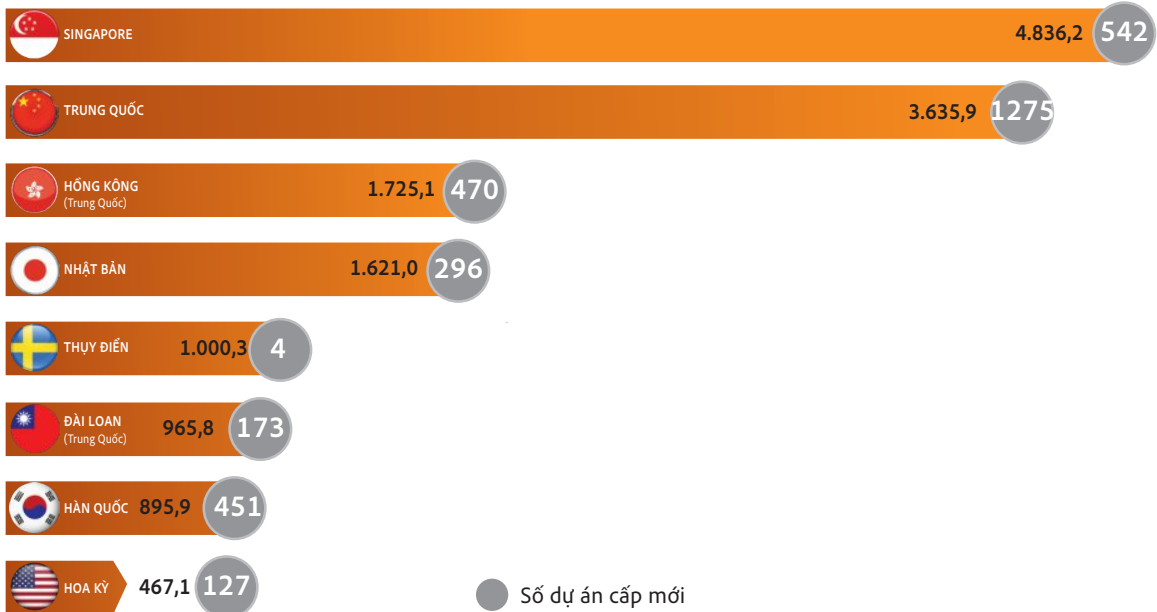
◆ Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài theo nguồn đầu tư

Năm 2025, dòng vốn FDI đăng ký mới vào Việt Nam tiếp tục đến từ các nhà đầu tư quen thuộc tại khu vực châu Á như Singapore, Trung Quốc, Nhật Bản... Trong đó, Singapore vẫn giữ vững vị trí dẫn đầu với số vốn đăng ký cấp mới tại Việt Nam năm 2025 đạt 4,84 tỷ USD cho 542 dự án mới, chiếm 27,9% tổng vốn đăng ký cấp mới của cả nước. Sau Singapore, Trung Quốc là đối tác đầu tư lớn thứ hai của Việt Nam với tổng vốn đăng ký cấp mới đạt 3,64 tỷ USD, với số lượng lên đến 1.275 dự án mới.

Đáng chú ý, danh sách nguồn đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam có sự xuất hiện của Thụy Điển, với hơn 1 tỷ USD cho 4 dự án đầu tư mới. Trong đó, nổi bật là Dự án Tổ hợp sản xuất và tái chế vải polyester trị giá 1 tỷ USD đầu tư tại Gia Lai.

Tốp 8 đối tác có số vốn FDI đăng ký mới nhiều nhất tại Việt Nam năm 2025

(Đơn vị: triệu USD)



Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính



Làn sóng thuế quan mới của Hoa Kỳ và tác động đối với Việt Nam

Kể từ tháng 01/2025, Hoa Kỳ đã liên tiếp áp đặt nhiều loại thuế quan bổ sung đối với hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào nước này. Tính đến hết năm 2025, Tổng thống Trump đã ký tổng cộng 35 Sắc lệnh hành pháp, 04 Bản ghi nhớ và 08 Bản tuyên bố để áp đặt các biện pháp thuế quan khác nhau (bao gồm cả các lần điều chỉnh). Quy mô và tần suất ban hành các công cụ chính sách này cho thấy xu hướng sử dụng thuế quan ngày càng mạnh mẽ trong điều hành chính sách thương mại của Hoa Kỳ.

Trong bối cảnh đó, hàng hóa xuất khẩu Việt Nam sang Hoa Kỳ chịu tác động trực tiếp từ nhiều Sắc thuế liên quan tới các nhóm sản phẩm cụ thể (nhôm thép, đồng, ô tô con, xe tải nhẹ và linh kiện phụ tùng, sản phẩm gỗ...) và Sắc thuế đối ứng đối với hầu hết các nhóm sản phẩm còn lại trong Biểu thuế. Về bản chất, đây đều là các loại thuế bổ sung bên cạnh các loại thuế, phí,

các khoản thu khác mà Hoa Kỳ đang áp dụng với hàng hóa nhập khẩu vào nước này. Nói cách khác, nhà nhập khẩu Hoa Kỳ không chỉ phải thực hiện nghĩa vụ nộp các loại thuế thông thường như thuế MFN, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt hay các biện pháp phòng vệ thương mại (thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp), nếu có, mà còn phải gánh thêm chi phí phát sinh từ các Sắc thuế mới này.

Là thị trường xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam (chiếm 32,3% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước năm 2025), việc Hoa Kỳ gia tăng áp dụng các biện pháp thuế quan chắc chắn sẽ tác động trực tiếp đến chi phí, khả năng cạnh tranh và triển vọng xuất khẩu của hàng hóa Việt Nam không chỉ tại thị trường này mà còn có thể ảnh hưởng rộng hơn tới hiệu quả xuất khẩu của Việt Nam trên toàn cầu.



◆ Thuế đối ứng của Hoa Kỳ

Trong số các biện pháp thuế quan mà Hoa Kỳ áp dụng từ đầu năm 2025, thuế đối ứng là công cụ có phạm vi ảnh hưởng rộng và mức độ tác động lớn nhất đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Bởi lẽ, thuế đối ứng được Hoa Kỳ áp dụng đối với tất cả các loại hàng hóa nhập khẩu từ nước xuất khẩu liên quan ngoại trừ một số trường hợp nhất định được miễn trừ (ví dụ một số mặt hàng nông sản và thực phẩm gồm một số sản phẩm thịt, rau quả tươi/chế biến, chè, cà phê...) hoặc các sản phẩm đã/sẽ bị áp thuế theo các Sắc thuế riêng như nhôm thép, đồng, ô tô, phụ tùng linh kiện, sản phẩm gỗ, dược phẩm, chất bán dẫn, một số loại khoáng sản, năng lượng...

Ngày 26/10/2025, Việt Nam và Hoa Kỳ đã công bố Tuyên bố chung về Khung khổ Hiệp định thương mại đối ứng, công bằng và cân bằng, theo đó một số sản phẩm thuộc Danh mục này nhập khẩu từ Việt Nam sẽ được miễn thuế đối ứng. Tuy nhiên hiện đàm phán chưa hoàn tất, do đó các nội dung miễn trừ cụ thể và phạm vi áp dụng trên thực tế vẫn chưa được xác định rõ.



Như vậy, ngoại trừ một số ít các nhóm sản phẩm (một số loại thịt, rau quả tươi/chế biến, chè, cà phê gỗ nguyên liệu, tủ bếp, đồng nguyên liệu...), phần lớn hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ, trong đó có các sản phẩm thể mạnh như dệt may, giày dép..., hiện đều thuộc diện chịu thuế đối ứng.

Về mức thuế, ngoại trừ giai đoạn đầu (tháng 4-7/2025) áp dụng mức thuế đối ứng cơ sở 10%, hàng hóa Việt Nam phải chịu mức thuế đối ứng là 20%, bắt đầu từ ngày 07/8/2025. Mặc dù mức thuế này đã giảm mạnh so với mức 46% mà Hoa Kỳ dự kiến áp ban đầu, song vẫn cao hơn từ 1-2% so với nhiều đối thủ cạnh tranh trong khu vực như Campuchia, Thái Lan, Philippines, Indonesia, Malaysia, và cao hơn 5% so với Hàn Quốc, Nhật Bản, Ecuador, Thổ Nhĩ Kỳ... Sự chênh lệch này có thể làm giảm lợi thế cạnh tranh về giá của hàng hóa Việt Nam trên thị trường Hoa Kỳ, đặc biệt đối với các ngành có biên lợi nhuận thấp.

Không chỉ tác động trực tiếp đến giá thành sản phẩm do gia tăng nghĩa vụ thuế, chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ nhiều khả năng làm gia tăng đáng kể các chi phí tuân thủ của doanh nghiệp. Cụ thể, quy định áp mức thuế đối ứng lên tới 40% kèm theo các khoản phạt nghiêm khắc đối với hành vi chuyển tải nhằm lẩn tránh thuế buộc doanh nghiệp phải đầu tư nhiều hơn cho các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, đánh giá và kiểm soát rủi ro chuyển tải, cũng như điều chỉnh kế hoạch sản xuất – kinh doanh để phù hợp với các diễn biến mới về thuế và biện pháp trừng phạt thương mại.

Trong bối cảnh như vậy, kết thúc năm 2025, tổng kim ngạch xuất khẩu của hàng hóa Việt Nam sang Hoa Kỳ vẫn đạt mức tăng trưởng 28,2% so với năm 2024. Đây được xem là kết quả rất ấn tượng, và hầu như đi ngược lại với nhiều dự báo trước đó về khả năng sụt giảm kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này sau khi mức thuế đối ứng 20% có hiệu lực.

Theo một số chuyên gia, con số tích cực này có thể là nhờ một phần vào việc nhiều đơn hàng xuất Mỹ đã được các doanh nghiệp Việt Nam tranh thủ giành được trước thời điểm các mức thuế đối ứng riêng được áp dụng (từ ngày 07/8/2025). Đồng thời, các chuyên gia này cũng đánh giá cao khả năng thích ứng, duy trì năng lực cạnh tranh và giữ vững thị phần của hàng hóa Việt Nam tại thị trường Hoa Kỳ trong thời gian qua.





Số phận của chính sách thuế quan đối ứng của Hoa Kỳ

Ngay sau khi Sắc lệnh áp thuế đối ứng của Hoa Kỳ được công bố, ngày 14/4/2025, một số doanh nghiệp Hoa Kỳ đã đệ đơn kiện lên Tòa án Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ (CIT), cho rằng các mức thuế quan mà Tổng thống Trump áp đặt đối với các đối tác thương mại nước ngoài là không phù hợp với Đạo luật Quyền hạn Kinh tế Khẩn cấp Quốc tế (IEEPA). Các nguyên đơn lập luận rằng IEEPA không trao cho Tổng thống thẩm quyền đơn phương áp dụng thuế quan trên diện rộng, đặc biệt trong bối cảnh không tồn tại một "tình trạng khẩn cấp" theo đúng nghĩa pháp lý của đạo luật này.

Trong phán quyết ban hành ngày 28/5/2025, CIT đã xác định rằng việc Tổng thống Trump sử dụng thẩm quyền theo IEEPA để áp thuế quan trên quy mô toàn cầu là vượt quá phạm vi quyền hạn được luật pháp trao, và do đó các biện pháp thuế quan này phải bị hủy bỏ. Tiếp nối diễn biến trên, ngày 29/8/2025, Tòa Phúc thẩm Liên bang Hoa Kỳ cũng đã đưa ra phán quyết các biện pháp áp thuế đối ứng của Tổng thống Trump là bất hợp pháp, khẳng định Tổng thống không có thẩm quyền đơn phương áp đặt các mức thuế đối ứng dựa trên IEEPA mà không có sự phê chuẩn của Quốc hội. Tuy nhiên, Tòa Phúc thẩm quyết định tạm hoãn thi hành phán quyết đến tháng 10/2025, nhằm tạo điều kiện cho chính quyền thực hiện quyền kháng cáo lên Tòa án Tối cao.

Ngày 04/9/2025, chính quyền Tổng thống Trump đã nộp đơn lên Tòa án Tối cao đề nghị xem xét lại vụ việc. Đến ngày 05/11/2025, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đã mở phiên điều trần liên quan đến tính hợp pháp của chính sách thuế quan do Tổng thống ban hành. Dự kiến, Tòa án Tối cao sẽ công bố phán quyết cuối cùng trong tháng 01/2026. Phán quyết này không chỉ quyết định số phận của các biện pháp thuế quan hiện hành, mà còn có ý nghĩa lâu dài trong việc xác lập ranh giới quyền lực của Tổng thống Hoa Kỳ trong lĩnh vực thương mại quốc tế, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp tới mức độ ổn định, có thể dự đoán được của chính sách thuế quan Hoa Kỳ đối với các đối tác thương mại toàn cầu trong thời gian tới.

Có thông tin rằng Nhà Trắng đã chuẩn bị để sẵn sàng áp dụng các loại thuế mới thay thế nếu quyết định của Tòa án Tối cao ngăn chặn việc áp dụng thuế đối ứng. Nếu điều này là đúng, có vẻ như thuế đối ứng sẽ còn tiếp tục là một thực tế mà hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào Hoa Kỳ phải đối mặt, dù dưới hình thức này hay hình thức khác.



◆ Các Sắc thuế riêng áp dụng đối với một số hàng hóa nhất định

Mặc dù được miễn trừ khỏi thuế đối ứng, một số nhóm hàng nhập khẩu vào Hoa Kỳ vẫn phải chịu các mức thuế bổ sung riêng. Đây là các sắc thuế độc lập, được thiết kế nhằm điều tiết nhập khẩu đối với những mặt hàng mà Hoa Kỳ coi là nhạy cảm về kinh tế, an ninh chuỗi cung ứng hoặc năng lực sản xuất trong nước theo các Điều luật trong pháp luật nội địa của Hoa Kỳ (ví dụ Điều 301 Đạo luật Thương mại quốc tế 1974, Điều 232 Đạo luật Thuế mở rộng 1962...).

Bảng - Tổng hợp các nhóm hàng bị Hoa Kỳ áp dụng các Sắc thuế riêng tại thời điểm 31/12/2025

Sản phẩm	Mức thuế bổ sung	Ngày áp dụng
Thép và các sản phẩm phái sinh của thép	50%	04/6/2025
Nhôm và các sản phẩm phái sinh của nhôm	50%	04/6/2025
Đồng bán thành phẩm và sản phẩm phái sinh từ đồng hàm lượng cao	50%	01/8/2025
Gỗ và các sản phẩm gỗ - Gỗ mềm, gỗ xẻ - Gỗ bọc nệm; tủ bếp và tủ trang điểm bằng gỗ	10% 25%	14/10/2025 (Dự kiến từ ngày 01/01/2027, tăng thuế lên 30% đối với gỗ bọc đệm và 50% với tủ bếp và bàn trang điểm)
Phương tiện vận tải - Xe tải hạng trung, hạng nặng và phụ tùng - Xe buýt - Ô tô (Automobiles) và phụ tùng	25% 10% 25%	17/10/2025 17/10/2025 03/4/2025 (với ô tô) và 03/5/2025 (với phụ tùng)

Nguồn: VCCI tổng hợp từ các Sắc lệnh áp thuế của Hoa Kỳ



Có thể thấy, với nhiều loại hàng hóa, việc được miễn thuế đối ứng không đồng nghĩa với việc hàng hóa được miễn hoàn toàn các rào cản thuế quan mới của chính quyền Trump. Trên thực tế, nhiều nhóm hàng vẫn phải đối mặt với mức thuế riêng rất cao, thậm chí lên tới 50% (như thép, nhôm và đồng). Về lý thuyết, việc áp các loại thuế riêng này có thể sẽ không làm thay đổi đáng kể cục diện cạnh tranh giữa hàng hóa xuất khẩu Việt Nam với các đối thủ cạnh tranh nước ngoài (do mức thuế được áp dụng như nhau, không phân biệt nguồn cung hàng vào Hoa Kỳ). Tuy vậy, các mức thuế này có thể gây sức ép đáng kể giá cả, cầu ở thị trường Hoa Kỳ, từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng duy trì và mở rộng xuất khẩu của các ngành hàng liên quan vào thị trường Hoa Kỳ, đặc biệt là trong dài hạn.

Trên thực tế, xuất khẩu các sản phẩm kim loại – đặc biệt là thép – từ Việt Nam là hoạt động chịu tác động nặng nề nhất từ các biện pháp này trong năm 2025. Theo số liệu của Cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu sắt thép và các sản phẩm từ sắt thép sang Hoa Kỳ năm 2025 đã giảm hơn 20% so với năm 2024; riêng mặt hàng sắt thép các loại giảm gần 60% về giá trị và 52% về lượng, đánh dấu mức suy giảm kỷ lục trong nhiều năm trở lại đây.

Đối với các sản phẩm gỗ và phương tiện vận tải, xuất khẩu sang Hoa Kỳ trong năm 2025 dù vẫn ghi nhận mức tăng trưởng dương, song đà tăng đã chậm lại rõ rệt so với các năm trước. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, cũng như phương tiện vận tải và phụ tùng của Việt Nam sang Hoa Kỳ năm 2025 lần lượt chỉ tăng 4,4% và 10,1%, thấp hơn đáng kể so với mức tăng 24,1% và 13,6% của năm 2024.

Thông tin cho thấy Hoa Kỳ hiện vẫn đang tiếp tục cân nhắc áp dụng các biện pháp thuế riêng đối với nhiều nhóm sản phẩm khác như dược phẩm, sản phẩm y tế, chất bán dẫn, khoáng sản chiến lược, robot và máy móc công nghiệp... – những ngành được xem là trọng tâm trong chiến lược tái cấu trúc chuỗi cung ứng và tăng cường năng lực sản xuất nội địa của Hoa Kỳ.

Có thể thấy, hệ thống các sắc thuế mới của Hoa Kỳ đang tạo ra sức ép ngày càng lớn đối với hàng hóa nhập khẩu vào nước này, trong đó hàng hóa từ Việt Nam. Trước bối cảnh này, việc đa dạng hóa thị trường, điều chỉnh chiến lược sản phẩm và nâng cao năng lực thích ứng chính sách không chỉ là yêu cầu trước mắt mà còn là định hướng then chốt để doanh nghiệp Việt Nam có thể duy trì năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong trung và dài hạn.

Thúc đẩy quan hệ thương mại ổn định, cân bằng giữa Việt Nam và Hoa Kỳ



Ngay sau khi Hoa Kỳ công bố Sắc lệnh áp thuế đối ứng ngày 02/4/2025, trong đó dự kiến áp mức thuế lên tới 46% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam, lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta đã có các bước đi ngoại giao tích cực, tập trung thúc đẩy đối thoại và đàm phán với Hoa Kỳ nhằm giảm mức thuế đối ứng. Những nỗ lực kịp thời và quyết liệt này đã đem đến kết quả tích cực, khi Hoa Kỳ điều chỉnh giảm mức thuế đối ứng dự kiến áp dụng đối với hàng hóa Việt Nam từ 46% xuống còn 20%.

Quá trình đàm phán thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ được diễn ra tích cực từ giữa tháng 5/2025, với nhiều vòng thảo luận ở cấp kỹ thuật và cấp bộ trưởng. Đến ngày 26/10/2025, hai nước đã chính thức công bố Tuyên bố chung về Khuôn khổ Hiệp định Thương mại đối ứng, công bằng và cân bằng, đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc định hình một thỏa thuận thương mại song phương mới, hướng tới mở rộng tiếp cận thị trường, từng bước tháo gỡ các rào cản thương mại, phù hợp với mối quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện Việt Nam – Hoa Kỳ. Theo Tuyên bố chung, Hiệp định được xây dựng trên nền tảng mối quan hệ kinh tế lâu dài giữa hai nước, kế thừa Hiệp định Thương mại song phương Hoa Kỳ – Việt Nam ký năm 2000 và có hiệu lực từ năm 2001, song được điều chỉnh và mở rộng để phù hợp với bối cảnh mới.

Khác với các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký, trọng tâm của Hiệp định Thương mại đối ứng, công bằng và cân bằng này

không nằm ở việc tự do hóa thuế quan, mà tập trung vào việc thiết lập các cam kết tiếp cận thị trường và áp dụng thuế quan theo nguyên tắc có đi có lại, bảo đảm sự hài hòa về lợi ích thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Theo cách tiếp cận này, các nghĩa vụ về thuế đối ứng, mở cửa thị trường và xử lý rào cản thương mại được xây dựng linh hoạt, gắn với từng nhóm sản phẩm và lĩnh vực cụ thể, phản ánh cách tiếp cận thực tế và cân bằng hơn trong bối cảnh thương mại song phương và thương mại quốc tế đang có nhiều biến động.

Theo Tuyên bố chung, các nội dung cốt lõi được hai bên đang thảo luận trong khuôn khổ Hiệp định này bao gồm việc Việt Nam sẽ dành quyền tiếp cận thị trường ưu đãi cho gần như toàn bộ hàng hóa nông nghiệp và công nghiệp của Hoa Kỳ. Ở chiều ngược lại, Hoa Kỳ sẽ duy trì mức thuế đối ứng 20% đối với hàng hóa Việt Nam, đồng thời xác định một danh mục sản phẩm có thể được hưởng mức thuế đối ứng 0%. Bên cạnh thuế quan, hai bên cũng tập trung trao đổi về việc hợp tác giải quyết các rào cản phi thuế, thương mại số, dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, lao động, môi trường, hải quan và các giải pháp nâng cao khả năng chống chịu của chuỗi cung ứng.

Trong lộ trình tiếp theo sau khi Tuyên bố chung này, hai bên sẽ tiếp tục trao đổi, đàm phán chi tiết để hoàn tất nội dung, chuẩn bị cho việc ký kết và tiến hành các thủ tục nội bộ cần thiết để thực thi Hiệp định trong thời gian tới.



Xuất khẩu rau quả bứt tốc mạnh mẽ

Nếu như trong nửa đầu năm 2025, xuất khẩu rau quả của Việt Nam ghi nhận kết quả chưa thực sự khả quan, với kim ngạch giảm 6,8% so với cùng kỳ năm trước, thì bức tranh đã thay đổi rõ rệt trong 6 tháng cuối năm. Hoạt động xuất khẩu rau quả giai đoạn này tăng tốc mạnh mẽ, với kim ngạch tăng 43,1% so

với cùng kỳ, không chỉ bù đắp hoàn toàn mức sụt giảm của nửa đầu năm mà còn tạo lực kéo đáng kể cho tăng trưởng chung của cả năm. Nhờ đó, xuất khẩu rau quả năm 2025 vẫn đạt mức tăng trưởng ấn tượng 19,8% so với năm 2024, đạt kim ngạch 8,56 tỷ USD.





Mở rộng danh sách trái cây được phép xuất khẩu – động lực then chốt cho tăng trưởng

Một trong những động lực quan trọng thúc đẩy kết quả tích cực nêu trên là việc nhiều thị trường nhập khẩu lớn tiếp tục mở rộng và cập nhật danh sách các loại trái cây của Việt Nam được phép xuất khẩu chính ngạch.

Cụ thể, Trung Quốc – thị trường tiêu thụ rau quả lớn nhất của Việt Nam – đã lần lượt ký kết các Nghị định thư về kiểm dịch thực vật đối với ớt tươi và chanh leo tươi vào tháng 4/2025, tiếp đó là Nghị định thư đối với mít tươi vào tháng 11/2025. Việc bổ sung thêm các mặt hàng được xuất khẩu chính ngạch thông qua việc ký kết các Nghị định thư đã góp phần mở rộng đáng kể quy mô và tính ổn định của xuất khẩu rau quả sang thị trường này. Nhờ đó, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc năm 2025 đạt 5,5 tỷ USD, tăng 18,9% so với năm trước.

Không chỉ tại Trung Quốc, việc mở cửa thị trường tại các quốc gia có yêu cầu cấp phép riêng cho từng loại rau quả xuất khẩu khác

cũng ghi nhận những kết quả tích cực. Trong năm 2025, Australia đã chính thức cho phép bưởi của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường này kể từ tháng 10, qua đó nâng tổng số loại trái cây tươi Việt Nam được phép tiếp cận thị trường Australia lên 6 loại (bên cạnh thanh long, vải, nhãn, xoài và chanh leo). Nhờ sự mở rộng này, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang Australia đạt 143,3 triệu USD, tăng 28,9% so với năm 2024.

Ở thị trường Hoa Kỳ, chanh dây hiện đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục kỹ thuật cần thiết để trở thành loại trái cây thứ 9 của Việt Nam được phép xuất khẩu chính ngạch vào thị trường này. Nếu được chấp thuận, mặt hàng này được kỳ vọng sẽ tiếp tục mở rộng dư địa tăng trưởng cho xuất khẩu rau quả Việt Nam trong thời gian tới.

Tuy nhiên, để tận dụng hiệu quả những “tấm vé thông hành” này và tiếp cận sâu hơn các thị trường xuất khẩu trọng điểm, doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu rau quả của Việt Nam cần nỗ lực để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về kỹ thuật, yêu cầu an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật mà đối tác đặt ra.



Số lượng cảnh báo của EU đối với rau quả Việt Nam giảm mạnh

Với Liên minh châu Âu (EU), mặc dù không yêu cầu “visa nhập khẩu chính ngạch” riêng theo từng loại rau quả như Trung Quốc, Hoa Kỳ hay Australia, thị trường này lại khắt khe ở các tiêu chuẩn kiểm dịch an toàn vệ sinh thực phẩm (SPS) cụ thể. Tuy vậy, năm 2025 cũng ghi nhận những cải thiện rõ rệt trong mức độ tuân thủ các quy định SPS của rau quả Việt Nam ở thị trường này.

Cụ thể, trong năm 2025, số lượng cảnh báo của EU đối với các lô hàng rau quả xuất khẩu của Việt Nam đã giảm đáng kể. Theo Hệ thống cảnh báo nhanh về thực phẩm và thức ăn chăn nuôi của EU (RASFF), số cảnh báo đối với rau quả Việt Nam trong năm 2025 giảm xuống còn 19 trường hợp, so với 27 cảnh báo của năm 2024. Diễn

biến này phản ánh những nỗ lực của các cơ quan quản lý và doanh nghiệp trong việc tăng cường kiểm soát an toàn thực phẩm, đặc biệt là kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, truy xuất nguồn gốc và chủ động đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe từ phía EU.

Việc giảm số lượng cảnh báo không chỉ giúp giảm đối tượng phải chịu tần suất kiểm tra hoặc áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ hơn tại cửa khẩu EU, mà còn góp phần củng cố niềm tin của nhà nhập khẩu và người tiêu dùng châu Âu đối với rau quả Việt Nam. Đây được xem là yếu tố then chốt giúp duy trì và mở rộng thị phần rau quả Việt Nam tại EU – một trong những thị trường có tiêu chuẩn kỹ thuật cao nhất thế giới, đồng thời tạo nền tảng thuận lợi để doanh nghiệp Việt Nam tận dụng tốt hơn các ưu đãi thuế quan từ Hiệp định EVFTA trong thời gian tới.



CBAM và thách thức ngày một lớn với doanh nghiệp

CBAM bước vào giai đoạn thu phí từ 2026

Từ ngày 01/01/2026, Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của Liên minh châu Âu (EU) sẽ bước vào giai đoạn chính thức, đánh dấu bước ngoặt quan trọng đối với các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa vào thị trường EU, trong đó có Việt Nam.

Trong giai đoạn này, nhà nhập khẩu EU sẽ không chỉ phải thực hiện nghĩa vụ khai báo (nộp báo cáo) lượng phát thải, mà còn phải mua và xuất trình chứng chỉ CBAM đối với lượng phát thải ròng của hàng hóa thuộc diện điều chỉnh. Tuy nhiên, theo lộ trình, hàng hóa CBAM vẫn sẽ được hưởng một tỷ lệ phát thải ròng nhất định không phải nộp phí (không phải mua chứng chỉ CBAM) tương ứng với phần hạn ngạch phát thải ròng miễn phí mà EU đang áp dụng trong Hệ thống ETS cho nội bộ EU, tạm gọi là "hạn ngạch phát thải ròng miễn phí". Theo dự kiến, mức hạn ngạch này sẽ từng bước bị thu hẹp và chấm dứt hoàn toàn vào năm 2033, đồng nghĩa với việc chi phí carbon đối với hàng hóa CBAM nhập khẩu vào EU sẽ ngày càng gia tăng.

Về nguyên tắc, các nghĩa vụ báo cáo và mua chứng chỉ CBAM thuộc về nhà nhập khẩu EU. Tuy nhiên, để thực hiện các nghĩa vụ này, các nhà nhập khẩu (khách hàng EU) buộc phải yêu cầu nhà sản xuất, xuất khẩu tại Việt Nam cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về mô hình và lượng phát thải cụ thể trong quá trình sản xuất



các sản phẩm CBAM. Trong trường hợp doanh nghiệp Việt Nam không đáp ứng được yêu cầu cung cấp dữ liệu cho khách hàng EU, hoặc có mức phát thải cao dẫn đến chi phí CBAM lớn, nguy cơ bị giảm khả năng cạnh tranh, thu hẹp đơn hàng, thậm chí mất cơ hội tiếp cận thị trường EU là rất đáng kể.

Mặc dù CBAM đã được EU triển khai từ năm 2023, và chỉ yêu cầu báo cáo phát thải trong giai đoạn chuyển tiếp (2023-2025), song mức độ sẵn sàng của nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn rất hạn chế. Theo khảo sát của VCCI vào tháng 8/2023, có tới 93% doanh nghiệp cho biết chưa từng nghe hoặc chưa tìm hiểu kỹ về CBAM. Dù tỷ lệ này đã giảm xuống còn 67% theo khảo sát của VCCI trong quý I/2025, con số này vẫn cho thấy một khoảng trống lớn về nhận thức của doanh nghiệp trong bối cảnh CBAM sắp bước vào giai đoạn thu phí chính thức.

Hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, chưa xây dựng được hệ thống đo lường, kiểm kê và báo cáo phát thải khí nhà kính theo tiêu chuẩn mà EU yêu cầu. Việc thiếu dữ liệu phát thải đầy đủ, chính xác và có thể kiểm chứng là rào cản lớn, bởi CBAM yêu cầu báo cáo chi tiết lượng phát thải trực tiếp và gián tiếp gắn với từng đơn vị sản phẩm xuất khẩu. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng gặp khó khăn trong việc xác định phương pháp tính toán lượng phát thải phù hợp, thiếu nhân lực chuyên môn về quản trị carbon và chưa có



hệ thống quản lý dữ liệu đáp ứng yêu cầu phức tạp của EU. Trong khi đó, chi phí đầu tư cho đo lường phát thải, thuê tư vấn kỹ thuật, kiểm toán carbon và chuyển đổi công nghệ sản xuất theo hướng ít phát thải là không nhỏ, đặc biệt đối với các doanh nghiệp có quy mô hạn chế. Do đó, thách thức với nhiều doanh nghiệp Việt Nam từ năm 2026, khi cơ chế này bước vào giai đoạn thực thi nghĩa vụ trả phí, sẽ là rất đáng kể.

■ **CBAM mở rộng phạm vi áp dụng**

Thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam không chỉ dừng lại ở việc CBAM chính thức thu phí từ năm 2026, mà còn đến từ xu hướng mở rộng phạm vi điều chỉnh của cơ chế này trong thời gian tới. Theo quy định hiện tại, CBAM chỉ áp dụng cho một số dòng hàng hóa cụ thể thuộc 06 nhóm hàng hóa (gồm sắt thép, nhôm, phân bón, xi măng, điện và hydrogen). Mặc dù vậy, EU nhiều lần nhấn mạnh CBAM là một công cụ "động", có thể được điều chỉnh và mở rộng nhằm bao phủ thêm các ngành, sản phẩm có cường độ phát thải cao, phù hợp với mục tiêu trung hòa carbon và bảo vệ năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp EU.

Ngay trong những ngày cuối năm 2025, Ủy ban châu Âu (EC) đã công bố Dự thảo đề xuất mở rộng phạm vi áp dụng CBAM đối với 180 sản phẩm hạ nguồn sử dụng nhiều thép và nhôm từ ngày 01/01/2028. Danh mục này bao gồm nhiều mặt hàng có giá trị xuất khẩu đáng kể của Việt

Nam như máy móc, linh kiện cơ khí, phụ kiện kim loại, linh kiện ô tô, thiết bị gia dụng và thiết bị xây dựng... Bên cạnh việc mở rộng phạm vi sản phẩm, EC cũng đề xuất tăng cường các biện pháp chống lẩn tránh CBAM, trong đó đưa phế liệu kim loại tiêu dùng (pre-consumer scrap) vào phạm vi xem xét khi tính toán lượng phát thải.

Như vậy, xuất khẩu Việt Nam sang EU đang đứng trước những áp lực đáng kể từ CBAM trong thời gian tới. Mặc dù vậy, một số ý kiến chuyên gia cho rằng CBAM của EU cũng có thể được nhìn nhận như là một "phép thử" buộc doanh nghiệp Việt Nam phải thay đổi cách tiếp cận các thị trường xuất khẩu theo hướng dài hạn, xanh hơn và bền vững hơn. CBAM buộc doanh nghiệp phải chủ động hơn trong xây dựng chiến lược quản trị carbon, đầu tư công nghệ tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo và hợp tác với các tổ chức tư vấn quốc tế để chuẩn hóa hệ thống đo lường phát thải. Những bước đi này không chỉ nhằm giảm thiểu chi phí CBAM, duy trì vị thế và năng lực cạnh tranh tại EU, mà còn giúp doanh nghiệp duy trì tương lai xuất khẩu bền vững ở các thị trường xuất khẩu vốn đang đặt trọng tâm ngày càng cao hơn ở các tiêu chuẩn bền vững. Đồng thời, đây cũng là sự chuẩn bị cần thiết để đáp ứng các yêu cầu ESG (Môi trường – Xã hội – Quản trị) ngày càng khắt khe từ đối tác và nhà đầu tư toàn cầu.



Việt Nam đón làn sóng FDI xanh và chất lượng cao

Trong bức tranh thu hút đầu tư nước ngoài năm 2025 của Việt Nam, ngành năng lượng nổi lên như một điểm nhấn quan trọng. Hàng loạt đề xuất dự án liên quan đến năng lượng LNG (khí thiên nhiên hóa lỏng), hydro xanh và năng lượng tái tạo thu hút sự quan tâm mạnh mẽ từ các nhà đầu tư đến từ Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản và châu Âu.

Điển hình trong số này là đề xuất xây dựng Trung tâm điện LNG Cà Ná tại Khánh Hòa của nhóm các đối tác đến từ Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Singapore, với vốn đầu tư lên tới 10 tỷ USD, được kỳ vọng trở thành trung tâm năng lượng trọng điểm của Việt Nam trong tương lai và góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Cùng với đó, Năng lượng JERA của Nhật Bản đề xuất dự án LNG trị giá khoảng 2,24 tỷ USD tại Thanh Hóa và SK Group của Hàn Quốc dự kiến đầu tư 2,15 tỷ USD vào dự án nhiệt điện LNG công suất 1.500 MW tại Nghệ An, cho thấy dòng vốn FDI vào LNG không chỉ lớn về quy mô mà còn mang tính chiến lược trong dài hạn.

Bên cạnh đó, các sáng kiến đầu tư vào năng lượng sạch và chuyển đổi năng lượng cũng đang gia tăng mạnh mẽ. Đơn cử, Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) cùng các doanh nghiệp tư nhân dự kiến triển khai các dự án năng lượng sạch tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư lên tới 20 tỷ USD, tập trung vào điện tái tạo và chuyển đổi năng lượng, qua đó tạo động lực tài chính quan trọng cho quá trình chuyển dịch xanh của hệ thống năng lượng Việt Nam. Ngoài ra, kế hoạch đầu tư dự án hydro xanh trị giá khoảng 500 triệu USD từ tập đoàn hạ tầng

HDF Energy (Pháp) tại TP. Hồ Chí Minh cũng cho thấy cam kết của các nhà đầu tư châu Âu trong việc đưa công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường vào thị trường Việt Nam.

Không chỉ năng lượng, công nghiệp chế tạo công nghệ cao tiếp tục là trụ cột thu hút FDI gắn với giá trị gia tăng lớn. Nhiều dự án đầu tư hoặc mở rộng quy mô của các tập đoàn công nghệ toàn cầu được triển khai trong năm, như kế hoạch mở rộng sản xuất trị giá 2–3 tỷ USD của Tập đoàn HP (Hoa Kỳ) nhằm tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu, cho thấy niềm tin vào năng lực sản xuất và cung ứng của Việt Nam. Bên cạnh đó, hai dự án công nghệ cao với tổng vốn 640 triệu USD được động thổ tại Bắc Ninh vào tháng 3/2025, bao gồm nhà máy của Victory Giant Technology và của Green Precision Manufacturing, góp phần phát triển ngành điện tử và vật liệu cao cấp. Ngoài ra, Dự án Tổ hợp sản xuất và tái chế vải polyester của Tập đoàn Syre (Thụy Điển) tại Gia Lai với tổng vốn lên đến 1 tỷ USD cũng là dự án mới đáng chú ý, là minh chứng tiêu biểu cho dòng vốn FDI xanh, hướng tới mô hình kinh tế tuần hoàn, tiết kiệm tài nguyên và đáp ứng các tiêu chuẩn bền vững ngày càng khắt khe của thị trường toàn cầu.

Có thể thấy, việc thu hút ngày càng nhiều dự án FDI trong các lĩnh vực công nghệ cao, năng lượng sạch và sản xuất bền vững đang tạo nền tảng quan trọng để Việt Nam nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu, thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh và bao trùm hơn, đồng thời hướng tới mục tiêu phát triển nhanh nhưng bền vững trong trung và dài hạn.



Tổng hợp diễn tiến phòng vệ thương mại trong sau 6 tháng cuối năm 2025

Diễn tiến các vụ việc PVTM do Việt Nam tiến hành đối với hàng nhập khẩu trong 6 tháng cuối năm 2025

STT	Sản phẩm	Mã vụ việc	Quốc gia/ Vùng lãnh thổ bị kiện	Diễn tiến
1	Đường mía	AC02.AD13- AS01	Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar	Ngày 31/12/2025, Quyết định 3804/QĐ-BCT tiến hành rà soát nhà xuất khẩu mới biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại
2	Thép cán nguội	AD08	Trung Quốc	Tiếp tục áp thuế chống bán phá giá sau rà soát cuối kỳ lần 1 theo Quyết định 3765/QĐ-BCT ngày 26/12/2025
3	Thép hình chữ H	AD03	Trung Quốc	Ngày 21/11/2025, Quyết định 3411/QĐ-BCT tiến hành rà soát lần thứ ba biện pháp CBPG (AR03.AD03)
4	Sorbitol	AD14	Ấn Độ, Indonesia, Trung Quốc	Ngày 20/11/2025, Quyết định 3377/QĐ-BCT tiến hành rà soát cuối kỳ biện pháp CBPG (ER01.AD14)
5	Thép cán nóng	AC03.AD20	Trung Quốc	Ngày 27/10/2025, Quyết định 3176/QĐ-BCT khởi xướng điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại
6	Sợi polyester	AD10	Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Trung Quốc	Tiến hành rà soát cuối kỳ lần 1 theo Quyết định 3013/QĐ-BCT ngày 16/10/2025 (ER01.AD10)



Diễn tiến các vụ việc PVTM do Việt Nam tiến hành đối với hàng nhập khẩu trong 6 tháng cuối năm 2025

STT	Sản phẩm	Mã vụ việc	Quốc gia/ Vùng lãnh thổ bị kiện	Diễn tiến
7	Gạch gốm, sứ ốp lát	AD23	Ấn Độ	Ngày 18/08/2025, Quyết định 2333/QĐ-BCT khởi xướng điều tra chống bán phá giá
8	Kính nổi trong suốt, kính nổi không màu	AD22	Indonesia, Malaysia	Ngày 18/07/2025, Quyết định số 2093/QĐ-BCT khởi xướng điều tra chống bán phá giá
9	Một số sản phẩm bằng Plastic	AD07	Malaysia, Thái Lan, Trung Quốc	Chấm dứt áp dụng biện pháp chống bán phá giá sau rà soát cuối kỳ lần 1 theo Quyết định 2027/QĐ-BCT ngày 14/07/2025
10	Thép hình chữ H	AD12	Malaysia	Ngày 08/07/2025, Quyết định 1978/QĐ-BCT tiến hành rà soát cuối kỳ biện pháp CBPG (ER01.AD12)
11	Thép cán nóng	AD20	Trung Quốc, Ấn Độ	Quyết định 1959/QĐ-BCT ngày 04/07/2025 áp thuế CBPG chính thức đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc (23.1-27.83%); chấm dứt điều tra, không áp thuế đối với sản phẩm từ Ấn Độ
12	Bột ngọt	AD09	Trung Quốc, Indonesia	Tiếp tục áp thuế chống bán phá giá sau rà soát cuối kỳ lần 1 theo Quyết định 1914/QĐ-BCT ngày 02/07/2025



Diễn tiến các vụ việc PVTM đang điều tra đối với hàng xuất khẩu Việt Nam trong 6 tháng cuối năm 2025

STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/ Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
1	Indonesia	Vải cotton (Cotton Fabric)	Toàn cầu	31/12/2025	Bộ Tài chính Indonesia quyết định áp thuế tự vệ chính thức dựa trên Kết luận cuối cùng của KPPI ngày 16/09/2025, mức thuế: - Năm thứ 1: 3.000-3.300 Rp/mét - Năm thứ 2: 2.800-3.100 Rp/mét - Năm thứ 3: 2.600-2.900 Rp/mét
2	Canada	Dây đai thép (Steel Strapping)	Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc, Việt Nam	30/12/2025	Cơ quan dịch vụ biên giới Canada (CBSA) công bố Bản giải trình lý do – Quyết định cuối cùng không có trợ cấp. Với vụ việc phá giá: biên độ phá giá: 0-25,3%.
3	Hoa Kỳ	Hộp nhựa polypropylene (Polypropylene Corrugated Boxes)	Việt Nam	23/12/2025	Bộ Thương mại Hoa Kỳ (USDOC) ban hành kết luận sơ bộ khẳng định có phá giá, biên độ phá giá: 94,41-130,58%
4	Australia	Thanh cốt thép cán nóng (Hot rolled deformed steel reinforcing bar in lengths)	Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Việt Nam	16/12/2025	Kết luận cuối cùng khẳng định có phá giá (ngoại trừ với sản phẩm từ Công ty Thép Hòa Phát Hải Dương), biên độ phá giá: 9,6-17,3%
5	Hoa Kỳ	Vỏ viên nhộng cứng (Hard Empty Capsules)	Ấn Độ, Brazil Trung Quốc, Việt Nam	19/12/2025	USDOC kết luận cuối cùng khẳng định có phá giá và trợ cấp Việt Nam: biên độ phá giá: 47,12%, biên độ trợ cấp: 2,45%



Diễn tiến các vụ việc PVTM đang điều tra đối với hàng xuất khẩu Việt Nam trong 6 tháng cuối năm 2025

STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/ Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
6	Hoa Kỳ	Thép chống ăn mòn (Corrosion-Resistant Steel Products)	Australia, Brazil, Canada, Mexico, Hà Lan, Nam Phi, Việt Nam, Đài Loan, Thổ Nhĩ Kỳ, Các tiểu vương quốc Ả Rập	19/12/2025	Quyết định áp thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức. Đối với sản phẩm của Việt Nam: Mức thuế CBPG: 87,07-162,96% Mức thuế CTC: 0-257,83%
7	Philippines	Xi măng (Ordinary Portland Cement and Blended Cement)	Toàn cầu	15/12/2025	Quyết định áp thuế tự vệ chính thức Năm 1: PHP14.00/túi 40kg hoặc PHP 349.00/mét
8	Canada	Ống dẫn dầu (OCTG)	Việt Nam	02/12/2025	Tiến hành rà soát cuối kỳ thuế chống bán phá giá
9	EU	Sản phẩm hợp kim mangan và silicon (manganese and silicon-based alloying elements)	Toàn cầu	25/11/2025	Áp dụng biện pháp tự vệ. Sản phẩm của Việt Nam được loại trừ khỏi danh sách áp dụng.
10	Canada	Ghế bọc đệm (upholstered domestic seating)	Việt Nam, Trung Quốc	24/11/2025	Tiến hành rà soát hành chính thuế CBPG và CTC
11	Vương quốc Anh	Thép cây (rebar)	Việt Nam	10/11/2025	Tiến hành rà soát hạn ngạch thuế quan (biện pháp tự vệ đang áp dụng)



**Diễn tiến các vụ việc PVTM đang điều tra đối với hàng xuất khẩu Việt Nam
trong 6 tháng cuối năm 2025**

STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
12	Thái Lan	Thép không gỉ cán nguội (cold-roll steel sheet in coils and not in coils)	Việt Nam	10/10/2025	Quyết định áp thuế chống bán phá giá chính thức 9,95-29,8% theo giá CIF
13	Thái Lan	Thép các bon giảm cacbon (cold reduced carbon steel in coils and not in coils)	Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan	01/10/2026	Ban hành báo cáo dữ liệu trọng yếu, kiến nghị tiếp tục áp thuế sau rà soát cuối kỳ, mức thuế 4,22-20,11%
14	Indonesia	Một số sản phẩm may mặc	Toàn cầu	29/09/2025	Chấm dứt biện pháp tự vệ sau rà soát cuối kỳ
15	Ấn Độ	Bột độn canxi cacbonat (Calcium Carbonate Filler Masterbatch)	Việt Nam	27/09/2025	Kết luận cuối cùng khẳng định có phá giá và thiệt hại, thuế CBPG: 31,58-75 USD/MT
16	Hoa Kỳ	Sản phẩm sợi đúc nhiệt (Thermoformed Molded Fiber Products)	Việt Nam, Trung Quốc	25/09/2025	Bộ Thương mại Hoa Kỳ ban hành kết luận cuối cùng khẳng định có phá giá và trợ cấp. Việt Nam: biên độ trợ cấp: 5,06-200,70%; biên độ phá giá: 4,58-260,56%
17	Hoa Kỳ	Sơ mi rơ moóc và các cụm lắp ráp (Certain Chassis and Subassemblies Thereof)	Mexico, Thái Lan, Việt Nam	24/09/2025	USDOC kết luận sơ bộ khẳng định có phá giá, biên độ phá giá Việt Nam: 511,16%; Mexico: 32,37%; Thái Lan: 46,12-181,57%
18	Ấn Độ	Thép cuộn cán nóng (Hot rolled flat products of alloy or non-alloy steel)	Việt Nam	13/08/2025	Kết luận cuối cùng khẳng định có phá giá và thiệt hại, thuế CBPG: 121,55 USD/MT (ngoại trừ Công ty Thép Hòa Phát Dung Quất)



Các vụ điều tra PVTM mới khởi xướng đối với hàng xuất khẩu Việt Nam tại thị trường nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2025					
STT	Quốc gia khởi xướng điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Loại vụ việc	Quốc gia/ Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian
1	Hoa Kỳ	Bề mặt thạch anh (Quartz surface products)	Tự vệ	Toàn cầu	17/11/2025
2	Liên minh Kinh tế Á – Âu (EAEU)	Lốp xe (Rubber Tires)	Chống bán phá giá	Việt Nam, Thái Lan	07/11/2025
3	Mexico	Dây cáp thép (Steel Wire Rope)	Chống bán phá giá	Việt Nam, Malaysia	30/09/2025
4	Ấn Độ	Thép không gỉ cán nguội (Cold Rolled Flat products of Stainless Steel 300 and 400 series)	Chống bán phá giá	Việt Nam, Trung Quốc, Indonesia	29/09/2025
5	Ấn Độ	Chất đóng gói/ Màng bọc năng lượng mặt trời (Solar Encapsulants)	Chống bán phá giá	Việt Nam, Hàn Quốc, Thái Lan	29/09/2025
6	Liên minh châu Âu (EU)	Thép cuộn cán nguội (Cold-Rolled Flat Steel products)	Chống bán phá giá	Ấn Độ, Nhật Bản, Đài Loan, Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam	18/09/2025
7	Thái Lan	Nhựa polypropylene	Tự vệ	Toàn cầu	29/08/2025



Tái khởi động cuộc chiến thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc



Ngay từ những tuần đầu nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống Donald Trump, quan hệ thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc vốn đã khó khăn trong nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Trump lại nhanh chóng rơi vào vòng xoáy căng thẳng mới với tuyên bố về thuế fentanyl. Trong những tháng sau đó, một loạt biện pháp thuế quan và trả đũa được hai bên liên tiếp sử dụng nhắm vào nhau cho thấy cuộc đối đầu giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới không chỉ tái diễn mà còn có xu hướng gay gắt và quyết liệt hơn so với các giai đoạn trước. Diễn biến này tạo ra những tác động lan tỏa sâu rộng, làm gia tăng bất ổn cho thương mại quốc tế và các chuỗi cung ứng toàn cầu.

Về phía Hoa Kỳ, chính quyền Trump tái khẳng định lập trường cứng rắn đối với Trung Quốc bằng việc mở rộng và liên tục nâng các mức thuế quan đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước này. Ngày 01/02/2025, với cáo buộc Trung Quốc phải chịu trách nhiệm về một lượng lớn fentanyl, một chất ma túy tổng hợp, được đưa trái phép vào Hoa Kỳ, nước này tuyên bố áp mức thuế bổ sung 10% đối với toàn bộ hàng hóa Trung Quốc nhập khẩu vào Hoa Kỳ, sau đó nhanh chóng nâng lên mức 20% vào đầu tháng 3. Đến đầu tháng 4/2025, Hoa Kỳ tiếp tục ban hành Sắc lệnh áp thuế đối ứng trên diện rộng, đưa ra mức thuế đối với Trung Quốc từ 34% lên 84%, rồi tiếp tục nâng lên 125% chỉ trong vòng



vài ngày sau các hành động đáp trả của Trung Quốc. Bên cạnh thuế quan, Hoa Kỳ còn triển khai nhiều biện pháp phi thuế khác, đáng chú ý là áp phí đối với tàu thuyền do Trung Quốc đóng cảng cảng Hoa Kỳ...

Đáp trả các động thái từ Washington, Trung Quốc đã triển khai hàng loạt biện pháp trả đũa tương ứng. Ngày 04/2/2025, Trung Quốc thông báo áp thuế bổ sung đối với nhiều mặt hàng xuất khẩu của Hoa Kỳ, bao gồm các sản phẩm năng lượng, nông sản và thực phẩm. Trước động thái tăng thuế đối ứng của Hoa Kỳ, Trung Quốc đồng thời cũng nâng mức thuế đáp trả từ 34% lên 125%. Song song với đó, Trung Quốc siết chặt kiểm soát xuất khẩu đối với nhiều khoáng sản và kim loại chiến lược như vonfram, molybdenum, indium, cũng như các loại đất hiếm trung và nặng - những nguyên liệu then chốt đối với các chuỗi cung ứng công nghệ toàn cầu. Ngoài ra, nước này cũng mở rộng việc đưa doanh nghiệp Hoa Kỳ vào danh sách "thực thể không đáng tin cậy", tăng cường kiểm soát xuất khẩu và khởi động các cuộc điều tra chống độc quyền nhắm vào các công ty Hoa Kỳ.

Sau giai đoạn leo thang căng thẳng nhanh và mạnh trong nửa đầu năm 2025, hai bên bắt đầu có những động thái "hạ nhiệt" mang tính tạm thời nhằm tạo dư địa cho đối thoại và đàm phán song phương. Theo Tuyên bố chung về cuộc họp kinh tế và thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc ngày 12/5/2025, Hoa Kỳ chỉ áp thuế đối ứng 10% đối với hàng hóa Trung Quốc trong thời hạn 90 ngày và tiếp tục gia hạn việc áp thuế

này đến giữa tháng 8/2025. Đáp lại, Trung Quốc cũng giảm mức thuế bổ sung với Hoa Kỳ xuống 10% trong thời gian hai bên tiếp tục đàm phán.

Bước ngoặt quan trọng xuất hiện vào ngày 01/11/2025, khi Hoa Kỳ và Trung Quốc đạt được Thỏa thuận thương mại và kinh tế. Theo thỏa thuận này, Trung Quốc sẽ tạm dừng các biện pháp kiểm soát xuất khẩu đối với đất hiếm và khoáng sản quan trọng (được công bố ngày 09/10/2025), ngăn chặn dòng tiền chất fentanyl, đình chỉ các biện pháp trả đũa thuế quan và phi thuế quan được công bố từ ngày 04/3/2025, mở cửa thị trường nông sản và tăng mạnh nhập khẩu đậu tương từ Hoa Kỳ, đồng thời chấm dứt các cuộc điều tra nhắm vào doanh nghiệp Hoa Kỳ trong lĩnh vực bán dẫn. Đổi lại, Hoa Kỳ trong một năm từ ngày 10/11/2025, sẽ giảm một nửa mức thuế nhập khẩu liên quan đến vấn đề fentanyl với Trung Quốc (tức là giảm từ 20% về 10%); duy trì mức thuế đối ứng 10% đối với Trung Quốc, tiếp tục gia hạn thời hạn hiệu lực của một số trường hợp loại trừ thuế quan; đồng thời tạm dừng các biện pháp kiểm soát và hành động đáp trả...

Những diễn biến này cho thấy, dù hai bên đã đạt được một thỏa thuận mang tính "giảm nhiệt", quan hệ thương mại Hoa Kỳ – Trung Quốc dưới nhiệm kỳ Trump 2.0 vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Việc sử dụng thuế quan và các biện pháp phi thuế như công cụ gây sức ép chiến lược giữa hai bên nhiều khả năng sẽ tiếp tục là đặc điểm nổi bật, qua đó ảnh hưởng sâu sắc đến môi trường kinh tế và thương mại toàn cầu trong thời gian tới.



Kinh tế Hoa Kỳ sau loạt chính sách thuế quan mới

Năm 2025 đánh dấu một giai đoạn điều chỉnh sâu sắc của nền kinh tế Hoa Kỳ, khi chính quyền Tổng thống Trump mở rộng áp dụng các chính sách thuế quan đối với hàng hóa nhập khẩu trên quy mô lớn, với mục tiêu bảo vệ sản xuất trong nước, từng bước thu hẹp thâm hụt thương mại kéo dài và gây sức ép buộc dòng đầu tư quay trở lại Hoa Kỳ.

Tổng thống Trump nhiều lần khẳng định thuế quan không chỉ là công cụ để tái cân bằng cán cân thương mại, mà còn giúp gia tăng nguồn thu cho Bộ Tài chính Hoa Kỳ. Theo thống kê của các cơ quan chức năng nước này, các mức thuế cao hơn đã mang lại nguồn thu ngân sách đáng kể. Theo số liệu của Bộ Tài chính Hoa Kỳ, nước này thu về hơn 287 tỷ USD từ thuế quan trong năm 2025, cao hơn rõ rệt so với các năm trước (gấp 2,7 lần so với mức đỉnh trước đó - 108,2 tỷ USD của năm 2022). Tuy nhiên, khoản thu này vẫn chỉ chiếm một tỷ trọng khiêm tốn trong tổng thu ngân sách liên bang và chưa đủ lớn để củng cố lập luận rằng thuế quan có thể thay thế thuế thu nhập liên bang hay tạo ra dư địa tài khóa đáng kể cho các chương trình chi tiêu quy mô lớn mà Nhà Trắng đã tuyên bố trước đó.

Về cán cân thương mại, thâm hụt thương mại của Hoa Kỳ vẫn duy trì ở mức cao - tính lũy kế 9 tháng đầu năm 2025 vẫn cao hơn khoảng 17% so với cùng kỳ năm trước. Tuy vậy, nếu xét

theo diễn biến từng tháng, cán cân thương mại của Hoa Kỳ đã có cải thiện so với giai đoạn trước khi các biện pháp thuế quan được áp dụng. Đáng chú ý, thâm hụt thương mại từng lập kỷ lục 136,4 tỷ USD vào tháng 3 - thời điểm người tiêu dùng và doanh nghiệp đẩy mạnh nhập khẩu nhằm "né" thuế đối ứng, song đến tháng 9/2025, giá trị nhập siêu đã giảm mạnh xuống còn 52,8 tỷ USD. Diễn biến này phản ánh sự điều chỉnh đáng kể trong dòng chảy thương mại sau khi các mức thuế mới chính thức có hiệu lực.

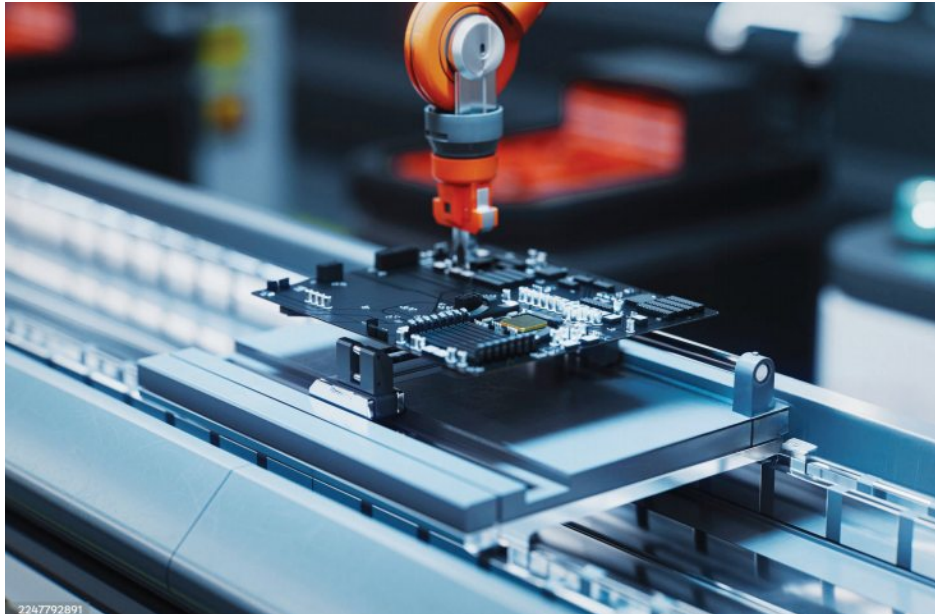
Trên thị trường lao động, những kỳ vọng về sự bùng nổ việc làm trong các ngành sản xuất sau khi áp dụng các mức thuế quan đã không thành hiện thực, ít nhất là trong năm 2025 này. Theo số liệu từ Cục Thống kê Lao động Hoa Kỳ, tỷ lệ thất nghiệp tại nước này đã tăng lên mức cao nhất trong bốn năm qua, đạt 4,6% vào tháng 11/2025. Đáng chú ý, việc làm trong ngành sản xuất cũng đã giảm khoảng 72.000 từ tháng 4 đến tháng 12/2025. Những diễn biến này cho thấy thuế quan chưa tạo ra động lực rõ rệt cho việc làm tại các ngành sản xuất trọng yếu của Hoa Kỳ, thậm chí còn đang gây sức ép giảm việc làm trong một số ngành cụ thể.

Ở chiều ngược lại, một số chỉ báo kinh tế vĩ mô lại diễn biến tích cực hơn so với nhiều dự báo trước đó. Tăng trưởng kinh tế ghi nhận sự phục hồi rõ nét khi GDP quý II và quý III lần lượt

tăng 3,8% và 4,3%, sau mức giảm 0,5% trong quý I - mức sụt giảm sâu nhất kể từ giai đoạn đỉnh điểm của đại dịch COVID-19 (Số liệu của Cục Phân tích kinh tế Hoa Kỳ - BEA).

Đồng thời, trái với lo ngại rằng thuế quan sẽ đẩy lạm phát tăng mạnh, mặt bằng giá tại Hoa Kỳ trong năm 2025 nhìn chung vẫn được kiểm soát, với lạm phát duy trì ổn định trong khoảng 2,4%—3% (Số liệu của Cục Thống kê lao động Hoa Kỳ). Mặc dù vậy, nhiều thông tin cho biết đa số người tiêu dùng Hoa Kỳ ít quan tâm tới các số liệu thống kê vĩ mô này, trong khi họ vẫn đang cảm nhận rõ giá thuê nhà, giá thực phẩm và các chi tiêu thiết yếu... đã tăng lên đáng kể trong năm vừa qua, khiến việc xoay xò cuộc sống khó khăn hơn.

Trong tổng thể, các chính sách thuế quan trong năm 2025 đang định hình lại bức tranh kinh tế Hoa Kỳ, song chưa mang lại những kết quả rõ rệt như kỳ vọng ban đầu. Trong khi một số chỉ báo vĩ mô cho thấy khả năng chống chịu nhất định của nền kinh tế, những hạn chế về hiệu quả thu hẹp thâm hụt thương mại và thúc đẩy việc làm sản xuất đang đặt ra câu hỏi về tính bền vững của chiến lược này trong trung và dài hạn. Việc Hoa Kỳ tiếp tục duy trì hay điều chỉnh chính sách thuế quan sẽ không chỉ ảnh hưởng đến triển vọng kinh tế trong nước, mà còn tác động sâu rộng tới quan hệ thương mại và trật tự kinh tế toàn cầu trong giai đoạn tới.



Kinh tế thế giới vượt lên những dự báo ảm đạm

Năm 2025, kinh tế thế giới vận hành trong bối cảnh bất định gia tăng, khi chính sách thương mại và thuế quan toàn cầu liên tục được điều chỉnh theo hướng khó lường. Tuy nhiên, trái với những lo ngại ban đầu, tăng trưởng kinh tế toàn cầu nhìn chung vẫn giữ được sự ổn định tương đối so với các dự báo hồi giữa năm. Theo các dự báo cập nhật của OECD (tháng 12/2025), IMF (tháng 10/2025) và Liên minh châu Âu (EU) (tháng 11/2025), GDP toàn cầu năm 2025 ước tăng khoảng 3,1–3,2%, cao hơn 0,2–0,3% so với các dự báo đưa ra trước đó. Diễn biến này cho thấy các cú sốc thuế quan, ít nhất trong

ngắn hạn, chưa làm đảo chiều xu hướng phục hồi của kinh tế thế giới, dù đã làm gia tăng chi phí và rủi ro trong hoạt động sản xuất – kinh doanh.

Đáng chú ý, thương mại toàn cầu tiếp tục mở rộng mạnh, trở thành điểm sáng trong bức tranh kinh tế thế giới năm 2025. Theo Hội nghị Liên Hiệp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), tổng giá trị thương mại hàng hóa và dịch vụ toàn cầu ước đạt hơn 35.000 tỷ USD, tăng khoảng 7% so với cùng kỳ. Một mặt, kết quả này phần nào phản ánh khả năng thích ứng tương đối nhanh của doanh nghiệp và các chuỗi cung ứng trước những thay đổi liên tục của

chính sách thương mại và thuế quan, cũng như xu hướng đa dạng hóa thị trường và tái cấu trúc chuỗi cung ứng trên phạm vi toàn cầu. Mặt khác, việc gia tăng nhập khẩu và tích trữ một số nhóm hàng hóa giá trị cao (ví dụ điện thoại, thiết bị điện tử công nghệ cao, kim loại hiếm...) để tránh biến động thuế quan, cùng với tình trạng tăng giá của một số loại hàng hóa do các lệnh hạn chế/cấm xuất khẩu có thể đóng góp một phần vào kết quả này.

Trong bối cảnh đó, Hoa Kỳ và Trung Quốc – hai nền kinh tế được dự báo chịu tác động nặng nề nhất từ căng thẳng thương mại song phương – lại ghi nhận những kết quả tích



cực hơn kỳ vọng. Tại Trung Quốc, theo số liệu của Cục Thống kê Quốc gia (NBS), GDP năm 2025 đạt mục tiêu tăng trưởng 5% và lần đầu tiên vượt mốc 140.000 tỷ RMB (tương đương khoảng 20.000 tỷ USD). Đặc biệt, thặng dư thương mại của Trung Quốc tiếp tục lập kỷ lục mới, đạt gần 1.200 tỷ USD, bất chấp các rào cản thuế quan ngày càng gia tăng từ Hoa Kỳ. Kết quả này phản ánh vai trò trung tâm của Trung Quốc trong chuỗi cung ứng toàn cầu cũng như khả năng chuyển hướng thị trường xuất khẩu của các doanh nghiệp nước này.

Về phía Hoa Kỳ, tăng trưởng kinh tế cũng ghi nhận sự phục hồi rõ nét. Sau khi GDP quý I giảm 0,5% – mức sụt giảm sâu nhất kể từ giai đoạn đỉnh điểm của đại dịch COVID-19 – kinh tế Hoa Kỳ bật tăng mạnh trong quý II và quý III, với tốc độ lần lượt đạt 3,8% và 4,3%. Diễn biến này cho thấy sức chống chịu đáng kể của nền kinh tế Hoa Kỳ, được hỗ trợ bởi tiêu dùng nội địa và đầu tư mạnh mẽ vào các lĩnh vực công nghệ và công nghiệp chiến lược.

Đối với một số nền kinh tế phát triển khác, các dự báo về kết quả tăng trưởng năm 2025 cũng được đánh giá khả quan hơn so với trước đó, dù mức cải thiện còn khiêm tốn. Tại EU, tăng trưởng GDP được dự báo đạt khoảng 1,2–1,4%, tăng thêm 0,2–0,3% so với các dự báo hồi giữa năm. Nhật Bản cũng ghi nhận điều chỉnh tăng

dự báo tăng trưởng từ 0,1–0,4%, với tăng trưởng GDP năm 2025 ước đạt khoảng 1,1–1,3%, dù nền kinh tế này vẫn đối mặt nhiều thách thức trong trung và dài hạn.

Trong bức tranh chung đó, khu vực ASEAN nổi lên như một điểm sáng của kinh tế thế giới năm 2025. Nhiều nền kinh tế trong khu vực duy trì tốc độ tăng trưởng cao hơn mức trung bình toàn cầu, nhờ tiêu dùng nội địa ổn định, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài dịch chuyển và vai trò ngày càng quan trọng trong chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu. Trong đó, Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng GDP khoảng 8%, Indonesia và Malaysia đạt mức tăng trưởng khoảng 4,9%... Các kết quả này cho thấy vai trò ngày càng lớn của ASEAN như một động lực tăng trưởng mới của kinh tế thế giới.

Tuy nhiên, theo nhiều chuyên gia, bức tranh tăng trưởng tích cực này của năm 2025 không đồng nghĩa với sự ổn định bền vững. Phần lớn động lực phục hồi hiện nay vẫn dựa nhiều vào chi tiêu tài khóa, nới lỏng tiền tệ và làn sóng đầu tư vào công nghệ, trong khi niềm tin vào các nguyên tắc thương mại và định hướng chính sách dài hạn vẫn ở mức thấp. Do đó, kinh tế thế giới năm 2025 dường như đang vận hành trong trạng thái "ổn định mong manh", tiềm ẩn rủi ro đảo chiều nếu xuất hiện thêm các cú sốc chính sách hoặc căng thẳng địa chính trị mới.





CPTPP tiếp tục khẳng định sức hút toàn cầu

Sau hơn sáu năm chính thức đi vào thực thi, trong bối cảnh căng thẳng thuế quan và bảo hộ thương mại toàn cầu, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) tiếp tục khẳng định sức hút là một trong những khuôn khổ thương mại tự do tiêu chuẩn cao và năng động nhất hiện nay, thể hiện rõ qua những diễn biến tích cực trong tiến trình mở rộng thành viên.

Sau khi Vương quốc Anh chính thức trở thành thành viên thứ 12 của CPTPP vào năm 2024, năm 2025 tiếp tục ghi nhận sự quan tâm từ nhiều nền kinh tế đang phát triển và mới nổi trên thế giới. Đáng chú ý, vào tháng 8/2025, Philippines và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) đã chính thức nộp đơn xin gia nhập CPTPP, cho thấy sức hấp dẫn ngày càng gia tăng của Hiệp định đối với các đối tác ngoài khu vực.

Năm 2025 cũng đánh dấu những bước tiến thực chất trong tiến trình gia nhập của Costa Rica. Nhóm công tác gia nhập CPTPP và Costa Rica đã tiến hành nhiều vòng đàm phán trong năm, tập trung trao đổi chi tiết về cam kết mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, mua sắm công... Theo tuyên bố của các Bộ trưởng CPTPP tại phiên họp tháng 11/2025, tiến trình đàm phán với Costa Rica đang được thúc đẩy, hướng tới mục tiêu hoàn tất trong thời gian sớm nhất, qua đó mở đường để Costa Rica trở thành thành viên tiếp theo của CPTPP.

Cũng trong phiên họp, các Bộ trưởng CPTPP đã nhất trí khởi động tiến trình gia nhập đối với Uruguay, đây là bước đi quan trọng đầu tiên trong lộ trình gia nhập CPTPP của nước này. Bên cạnh đó, Indonesia, Philippines và UAE cũng được xác định là những nền kinh tế phù hợp với các nguyên tắc mở rộng của CPTPP, và sẽ được xem xét bắt đầu quy trình gia nhập vào năm 2026, nếu phù hợp.

Thời gian trước đó, CPTPP cũng đã nhận được đơn xin gia nhập của Trung Quốc, Đài Loan (Trung Quốc) từ tháng 9/2021, Ecuador từ tháng 12/2021, Ukraine từ tháng 5/2023. Tuy nhiên, các hồ sơ này hiện vẫn đang trong giai đoạn xem xét ban đầu và chưa được các thành viên CPTPP thống nhất khởi động đàm phán gia nhập chính thức.

Với 12 thành viên chính thức và 8 lá đơn xin gia nhập tính đến thời điểm hiện tại, CPTPP đang khẳng định vị thế là một khuôn khổ thương mại tự do mở, linh hoạt nhưng vẫn kiên định với các tiêu chuẩn cao đã được thiết lập. Sức hấp dẫn ngày càng gia tăng của Hiệp định phản ánh nhu cầu thực chất của các nền kinh tế trong việc tìm kiếm một không gian hợp tác ổn định, minh bạch và có khả năng thích ứng trước những biến động sâu sắc của thương mại và địa chính trị toàn cầu.





Indonesia hoàn tất đàm phán FTA với EU

Sau gần một thập kỷ đàm phán kéo dài, Indonesia và Liên minh châu Âu (EU) đã chính thức tuyên bố hoàn tất đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện (IEU-CEPA) và Hiệp định bảo hộ đầu tư (IEUIPA) vào ngày 23/9/2025. Đây được xem là cột mốc quan trọng, mở ra giai đoạn phát triển mới trong quan hệ thương mại và đầu tư giữa hai bên.

Về nội dung, IEU-CEPA được đánh giá là một hiệp định toàn diện với phạm vi rộng và mức độ cam kết cao, gồm 25 Chương bao trùm cả các lĩnh vực truyền thống và nhiều chủ đề mới như thương mại số, mua sắm chính phủ, cạnh tranh, năng lượng và nguyên liệu thô, thương mại và phát triển bền vững, doanh nghiệp vừa và nhỏ, sở hữu trí tuệ... Cách tiếp cận này cho thấy IEU-CEPA không chỉ tập trung mở cửa thị trường, mà còn hướng tới xây dựng khuôn khổ hợp tác kinh tế dài hạn dựa trên các chuẩn mực cao và lợi ích cân bằng.

Một trong những điểm nhấn đáng chú ý của Hiệp định là cam kết cắt giảm thuế quan sâu rộng, theo đó 98,5% tổng số dòng thuế giữa hai bên sẽ được xóa bỏ khi kết thúc lộ trình thực thi. Trong số này, khoảng 80% dòng thuế sẽ được dỡ bỏ ngay khi hiệp định có hiệu lực, phần còn lại được loại bỏ trong vòng 5 năm tiếp theo. Nhờ các cam kết này, máy móc – thiết bị điện, ô tô, hóa chất và dược phẩm của EU, cùng với nông sản, thực phẩm chế biến, dệt may và giày dép của Indonesia, được nhận định là những ngành hàng được hưởng lợi nhiều nhất từ Hiệp định. Ngoài thuế quan, IEU-CEPA cũng đưa ra các cam kết quan trọng về bảo hộ chỉ dẫn địa lý, theo đó Indonesia sẽ bảo hộ 221 chỉ dẫn địa lý của EU, trong khi EU cam kết bảo hộ 72 chỉ dẫn địa lý của Indonesia. Đây được xem là bước tiến đáng kể trong việc nâng cao giá trị thương hiệu, bảo vệ sản phẩm đặc thù và thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế của mỗi bên.

Về thủ tục, EU hiện đang tiến hành rà soát pháp lý và dịch văn kiện Hiệp định sang tất cả các ngôn ngữ chính thức của EU. Ủy ban châu Âu sẽ trình đề xuất lên Hội đồng châu Âu về việc ký kết và phê chuẩn Hiệp định. Sau khi được Hội đồng thông qua, hai bên sẽ tiến hành ký kết chính thức, tiếp đó, các văn kiện sẽ được chuyển tới Nghị viện châu Âu để xin ý kiến chấp thuận. Khi Nghị viện châu Âu thông qua và Indonesia hoàn tất thủ tục phê chuẩn trong nước, IEU-CEPA mới chính thức có hiệu lực, dự kiến vào đầu năm 2027.

Với cơ cấu hàng hóa xuất khẩu có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam, Indonesia được xem là đối thủ cạnh tranh trực tiếp của nước ta ở nhiều thị trường xuất khẩu, trong đó có EU. Việc Indonesia hoàn tất đàm phán FTA với EU và sẽ chính thức triển khai Hiệp định trong thời gian tới sẽ làm thu hẹp dần lợi thế thuế quan ưu đãi mà Việt Nam đang có được từ EVFTA, đặc biệt trong các ngành như nông sản, thủy sản, dệt may và da giày.

Cũng liên quan tới diễn tiến này, EU đã khởi động đàm phán FTA với Thái Lan từ tháng 3/2023 và nối lại đàm phán FTA với Philippines vào tháng 3/2024, cho thấy lợi thế "đi trước" của Việt Nam tại thị trường EU sẽ không còn kéo dài.

Ngoài ra, EU cũng đang xúc tiến đàm phán, ký kết FTA với nhiều đối tác khác ngoài ASEAN (như khối Mercosur, Ấn Độ...). Thực tế này cho thấy cạnh tranh ở thị trường EU sẽ căng thẳng và thách thức hơn nhiều trong thời gian tới, ngay cả với hàng hóa từ các nước có lợi thế FTA như Việt Nam.

Do đó doanh nghiệp Việt Nam cần tranh thủ tận dụng thời gian tới, đặc biệt trong năm 2026, để tối đa hóa các lợi ích từ EVFTA, đồng thời cần chú trọng đầu tư nâng cao khả năng cạnh tranh, chất lượng sản phẩm và mức độ tuân thủ các tiêu chuẩn xanh, bền vững nhằm giữ vững và mở rộng thị phần tại thị trường EU đầy tiềm năng nhưng ngày càng cạnh tranh gay gắt này.



Mercosur mở rộng mạng lưới FTA với các đối tác ở châu Âu



Trong bối cảnh thương mại toàn cầu đang tái cấu trúc mạnh mẽ với xu hướng đa dạng hóa thị trường và tăng cường liên kết khu vực, Khối Thị trường chung Nam Mỹ (Khối Mercosur, gồm các quốc gia Argentina, Brazil, Paraguay và Uruguay và Bolivia) thời gian qua liên tiếp ghi dấu ấn khi ký kết các Hiệp định thương mại tự do (FTA) với hai đối tác châu Âu quan trọng là Hiệp hội mậu dịch tự do châu Âu (Khối EFTA, gồm các quốc gia Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland, Liechtenstein) và Liên minh châu Âu (EU). Các thỏa thuận này không chỉ mở rộng đáng kể không gian thị trường cho Mercosur, mà còn góp phần tái định hình mạng lưới các FTA xuyên khu vực trong giai đoạn tới.

Ngày 16/9/2025, Mercosur và Khối EFTA đã chính thức ký kết FTA sau hơn 8 năm đàm phán, qua đó thiết lập khuôn khổ hợp tác kinh tế toàn diện giữa năm nước Mercosur với bốn thành viên EFTA. Hiệp định này được đánh giá là tương đối toàn diện, gồm 16 Chương bao trùm nhiều lĩnh vực cốt lõi như thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, mua sắm chính phủ, cạnh tranh, thương mại và phát triển bền vững... Theo đánh giá của các bên, FTA Mercosur – EFTA sẽ hình thành một khu vực thương mại tự do với quy mô gần 300 triệu người và tổng GDP hơn 4,3 nghìn tỷ USD. Việc cải thiện khả năng tiếp cận thị trường cho hơn 97% kim ngạch xuất khẩu của mỗi bên được kỳ vọng sẽ thúc đẩy thương mại song phương, tạo thêm cơ hội kinh doanh và mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng doanh nghiệp và người tiêu dùng của cả hai khối. Các nước Mercosur và EFTA hiện đang phối hợp chặt chẽ để hoàn tất việc phê chuẩn và sớm đưa Hiệp định vào thực thi.

Tiếp nối đà hội nhập này, ngày 12/01/2026, Mercosur đã ký kết Hiệp định thương mại tạm thời (Interim Trade Agreement – iTA) với EU, đánh dấu bước ngoặt lớn trong quan hệ kinh tế giữa hai khu vực sau hơn 25 năm đàm phán kéo dài và phức tạp. FTA Mercosur – EU được đánh giá là một trong những hiệp định thương mại quy mô lớn nhất thế giới - bao phủ hơn 700 triệu dân và chiếm ¼ GDP toàn cầu. Hiệp định gồm 23 Chương, hướng tới xóa bỏ phần lớn thuế quan đối với hàng hóa trao đổi song phương, đồng thời thiết lập các cam kết toàn diện về dịch vụ, đầu tư, mua sắm công, sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp vừa và nhỏ, cạnh tranh, thương mại và phát triển bền vững... Đối với Mercosur, đây là cơ hội chiến lược để tăng cường xuất khẩu nông sản, thực phẩm và nguyên liệu thô sang thị trường EU, trong khi EU có cơ hội mở rộng đáng kể không gian cho các mặt hàng công nghiệp, công nghệ, ô tô, quần áo, rượu vang tại khu vực Nam Mỹ. Hiện tại, hai bên đang tiến hành các thủ tục phê chuẩn nội bộ để đưa Hiệp định chính thức đi vào thực thi.

Việc Mercosur liên tiếp ký kết FTA với cả EFTA và EU cho thấy nỗ lực rõ rệt của khối này trong việc đa dạng hóa thị trường, giảm phụ thuộc vào các đối tác truyền thống và nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu. Đồng thời, các hiệp định cũng phản ánh xu hướng của châu Âu trong việc củng cố mạng lưới FTA với các khu vực giàu tiềm năng tăng trưởng, nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định và mở rộng cơ hội cho doanh nghiệp châu Âu trong bối cảnh kinh tế – địa chính trị toàn cầu ngày càng biến động.

DOANH NGHIỆP VIỆT NAM VỚI THUẾ ĐỐI ỨNG CỦA HOA KỲ



Tổng hợp kết quả Khảo sát của VCCI

Từ đầu tháng 08/2025, Hoa Kỳ chính thức áp dụng mức thuế đối ứng riêng đối với hàng hóa nhập khẩu từ 69 quốc gia/vùng lãnh thổ vào nước này, trong đó mức thuế áp dụng cho hàng hóa Việt Nam là 20%.

Để tập hợp và phản ánh chính xác các vướng mắc, khó khăn thực tế của doanh nghiệp khi Hoa Kỳ áp dụng mức thuế đối ứng 20% này, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã triển khai Khảo sát các chủ thể kinh doanh (chủ sở hữu, lãnh đạo, người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh...) và các Hiệp hội doanh nghiệp (lãnh đạo, cán bộ, nhân viên của Hiệp hội) về vấn đề này trong tháng 9/2025.

Chuyên đề này xin giới thiệu một số thông tin, nội dung quan trọng từ kết quả Khảo sát này với phản hồi từ gần 300 doanh nghiệp, hiệp hội tham gia trực tiếp vào các chuỗi cung ứng hàng hóa xuất khẩu đi Hoa Kỳ.





1 Vài nét về thuế đối ứng của Hoa Kỳ

Trong số rất nhiều các Sắc thuế mà Tổng thống Trump công bố và áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu vào Hoa Kỳ trong năm đầu tiên nhiệm kỳ thứ 2 của Ông ở Nhà Trắng, thuế đối ứng có lẽ là Sắc thuế gây chấn động mạnh nhất. Sức ảnh hưởng của loại thuế này nằm ở cả phạm vi các loại hàng hóa, các nước xuất khẩu bị tác động và ở mức thuế được áp dụng.

Sắc lệnh về thuế đối ứng được Hoa Kỳ công bố ngày 2/4/2025, sau đó được điều chỉnh trong Sắc lệnh ngày 31/7/2025 (chủ yếu liên quan tới các mức thuế riêng), Sắc lệnh ngày 05/9/2025 và Sắc lệnh ngày 14/11/2025 (bổ sung một số sản phẩm miễn trừ).

Về tính chất, thuế đối ứng là loại thuế bổ sung bên cạnh các loại thuế, phí, các khoản thu khác mà Hoa Kỳ đang áp dụng với hàng hóa nhập khẩu vào nước này. Nói cách khác, đây là loại thuế mà nhà nhập khẩu Hoa Kỳ sẽ phải nộp thêm trong khi vẫn phải nộp các loại thuế khác đối với hàng hóa nhập khẩu (như thuế MFN, thuế giá trị gia tăng, thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp, thuế tiêu thụ đặc biệt...).

Về phạm vi, thuế đối ứng được Hoa Kỳ cơ bản được áp dụng đối với tất cả các loại hàng hóa nhập khẩu vào Hoa Kỳ, ngoại trừ một số nhóm hàng hóa. Phần lớn sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ, trong đó có các sản phẩm thể mạnh như dệt may, giày dép... (trừ một số sản phẩm nông sản, thực phẩm được miễn trừ) đều phải chịu thuế đối ứng.

Các sản phẩm được miễn trừ khỏi Thuế đối ứng

Hàng hóa nhập khẩu được miễn trừ khỏi Thuế đối ứng ở Hoa Kỳ chủ yếu thuộc 02 nhóm:

- Các nhóm sản phẩm đã hoặc dự kiến sẽ phải chịu các Sắc thuế hoặc biện pháp riêng (như nhôm thép, đồng, ô tô, phụ tùng linh kiện, sản phẩm gỗ, dược phẩm, chất bán dẫn, một số loại khoáng sản, năng lượng...)
- Một số nhóm sản phẩm miễn trừ được liệt kê rõ trong các Sắc lệnh Thuế đối ứng (đáng chú ý có một số mặt hàng nông sản và thực phẩm gồm một số sản phẩm thịt, rau quả tươi/chế biến, chè, cà phê...).

Về mức thuế, thuế suất thuế đối ứng áp dụng với hàng hóa Việt Nam nhập khẩu vào Hoa Kỳ có thể chia thành các giai đoạn sau:

- Ngày 02/04/2025, trong Sắc thuế đầu tiên về Thuế đối ứng, mức thuế đối ứng dự kiến áp dụng cho hàng hóa Việt Nam xuất khẩu vào Hoa Kỳ là 46%, thuộc nhóm cao nhất trong số 57 nước bị Hoa Kỳ áp đặt mức thuế suất riêng.
- Từ 9/4 đến 6/8/2025, mức thuế đối ứng áp dụng cho hàng Việt Nam là 10%. Đây mức thuế cơ sở, áp dụng chung cho tất cả các đối tác trong giai đoạn tạm hoãn áp các mức thuế đối ứng riêng để các đối tác đàm phán song phương với Hoa Kỳ.

- Từ ngày 7/8/2025, mức thuế áp dụng cho hàng Việt Nam là 20%, giảm mạnh so với mức 46% hồi tháng 4/2025 nhưng vẫn cao hơn chút ít so với một số đối thủ cạnh tranh trực tiếp ở một số ngành hàng. Theo phía Hoa Kỳ, mức thuế này vẫn có thể được điều chỉnh theo các kết quả đàm phán song phương, nếu có.

Ngày 26/10/2025, Việt Nam và Hoa Kỳ đã công bố Tuyên bố chung về Khung khổ Hiệp định thương mại đối ứng, công bằng và cân bằng, theo đó một số sản phẩm (rau quả tươi, hóa chất, dược phẩm, sản phẩm gỗ...) dự kiến sẽ được miễn thuế. Tuy nhiên hiện đàm phán chưa hoàn tất, do đó chưa có thông tin chính xác về các trường hợp miễn trừ song phương này.

Bảng - Mức thuế đối ứng mà Hoa Kỳ áp đặt lên hàng hóa Việt Nam và một số nước*

Nước	Mức thuế trong Sắc lệnh ngày 02/04/2025	Mức thuế trong Sắc lệnh ngày 31/07/2025
Lào	48%	40%
Trung Quốc	34%	Không đổi theo Sắc lệnh ngày 12/5/2025
Ấn Độ	27%	25%
Việt Nam	46%	20%
Bangladesh	37%	20%
Campuchia	49%	19%
Thái Lan	37%	19%
Indonesia	32%	19%
Malaysia	24%	19%
Philippines	18%	19%
Hàn Quốc	26%	15%
Nhật Bản	24%	15%
Ecuador	10%	15%
Thổ Nhĩ Kỳ	10%	15%
Brazil	10%	10%

Nguồn: Tổng hợp của VCCI từ các Sắc lệnh Thuế đối ứng

* Các nước được nêu trong Bảng này là nhóm xuất hiện nhiều nhất trong các phản hồi đối với Câu hỏi Khảo sát về "(Các) Nước là đối thủ cạnh tranh chính của doanh nghiệp khi xuất khẩu vào Hoa Kỳ".

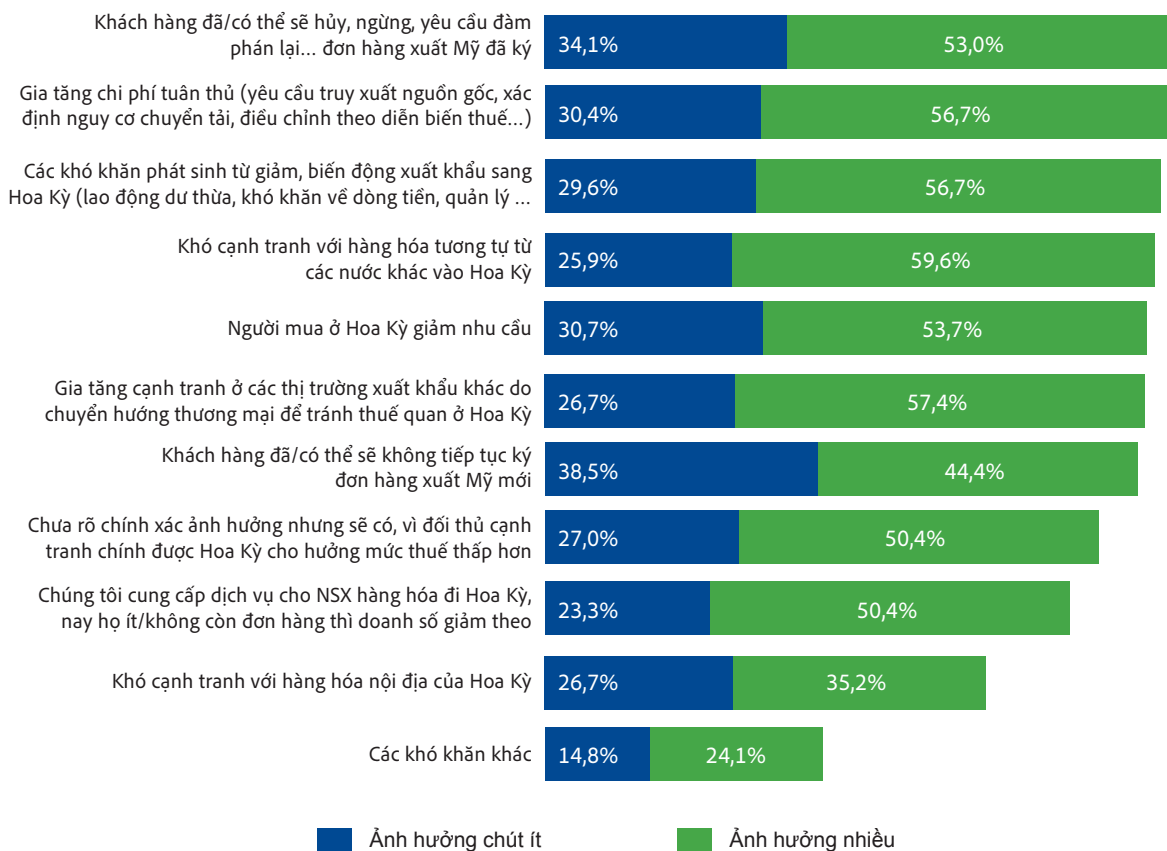


2 Thuế đối ứng và những ảnh hưởng tới doanh nghiệp Việt Nam

Các phản hồi Khảo sát cho thấy tất cả các doanh nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng hàng hóa sang thị trường Hoa Kỳ đều đang và/hoặc dự kiến sẽ chịu một hoặc nhiều tác động bất lợi từ việc Hoa Kỳ áp đặt thuế đối ứng 20% đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Tùy quy mô, lĩnh vực hoạt động, năng lực cạnh tranh, kinh nghiệm kinh doanh, cũng như vai trò trong chuỗi cung ứng hàng hóa xuất khẩu sang Hoa Kỳ, ảnh hưởng của mức thuế đối ứng 20% đối với các doanh nghiệp có thể không giống nhau. Mặc dù vậy, xét theo từng nhóm tác động cụ thể, tỷ lệ doanh nghiệp cho biết khả năng mình có thể nằm trong diện bị ảnh hưởng dao động từ 62% đến 87% số phản hồi.

Hình 1: Các ảnh hưởng bất lợi của thuế đối ứng tới doanh nghiệp



Nguồn: Cục Hải quan, Bộ Tài chính

Ảnh hưởng tới đơn hàng xuất Mỹ và chi phí tuân thủ của doanh nghiệp

Đứng đầu trong số các ảnh hưởng bất lợi mà doanh nghiệp phản ánh là các vấn đề phát sinh trực tiếp và tức thời ngay khi mức thuế đối ứng 20% được áp dụng chính thức với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam. Và đây đều là các khó khăn khách quan mà việc xử lý hầu như vượt ngoài tầm kiểm soát hoặc các nỗ lực đơn phương của từng doanh nghiệp. Cụ thể:

- Có tổng cộng 87% doanh nghiệp (gồm 53% chọn "ảnh hưởng nhiều" và 34% chọn "có ảnh hưởng chút ít") cho biết có một số hoặc nhiều khách hàng của doanh nghiệp đã và/hoặc có nguy cơ bị hủy, ngừng, yêu cầu đàm phán lại các đơn hàng xuất Mỹ đã ký.

Xuất khẩu các mặt hàng sắt thép, đồng sang Hoa Kỳ

Sắt thép và đồng là hai trong số các nhóm hàng hóa được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng thuế đối ứng. Tuy nhiên, các mặt hàng này lại là đối tượng của các Sắc thuế riêng, với các mức thuế rất cao.

Một số doanh nghiệp phản ánh rằng mặc dù không bị ảnh hưởng bởi thuế đối ứng, nhiều đơn hàng sắt thép xuất Mỹ đã bị khách hàng hủy toàn bộ, và không có đơn hàng mới nào được ký, do thuế quan mà Hoa Kỳ áp dụng đối với mặt hàng sắt thép tăng lên quá cao theo Sắc lệnh ngày 12/3/2025 (áp thuế bổ sung 25% đối với sắt thép và một số sản phẩm phái sinh), và ngày 18/8/2025 (nâng mức thuế đối với sắt thép và các sản phẩm phái sinh lên 50%). Đó là chưa kể tới các mức thuế khác mà Hoa Kỳ đang áp với các sản phẩm sắt thép (thuế MFN, thuế chống bán phá giá...).

Tương tự, một doanh nghiệp xuất khẩu ống đồng cho biết mặt hàng ống đồng tinh luyện xuất khẩu sang Hoa Kỳ phải chịu mức thuế 50% (theo Tuyên bố ngày 30/7/2025 của Tổng thống Trump). Do lô hàng có giá trị lớn, mức thuế 50% khiến chi phí tăng thêm cao đến mức cả khách hàng và doanh nghiệp đều không thể chịu nổi. Vì vậy doanh nghiệp đã phải tính tới phương án tái nhập lô hàng về Việt Nam khi hàng vẫn đang trên tàu vận chuyển, để ít nhất không mất thêm chi phí bốc dỡ hàng tại cảng (2000-3000 đô la Mỹ).





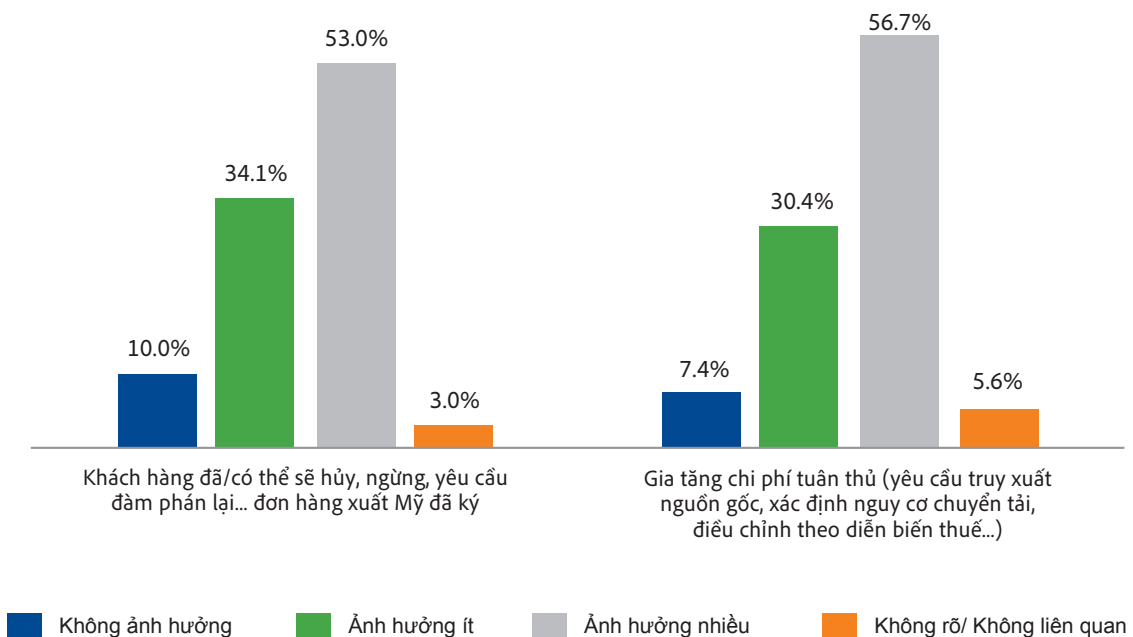
► Tương tự, có tổng cộng 87% doanh nghiệp (gồm 56,7% chọn “ảnh hưởng nhiều” và 30,4% chọn “có ảnh hưởng chút ít”) đề cập tới nguy cơ gia tăng các chi phí tuân thủ liên quan tới thuế đối ứng, đặc biệt là quy định về mức thuế, phí trừng phạt đối với hàng hóa bị xác định là chuyển tải để lẩn tránh thuế đối ứng thông qua thay đổi nước xuất xứ.

Mức thuế đối ứng với hàng hóa chuyển tải

Theo Sắc thuế ngày 31/7/2025, hàng hóa nhập khẩu vào Hoa Kỳ nếu bị Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ (CBP) xác định là đã được chuyển tải nhằm lẩn tránh mức thuế đối ứng riêng sẽ phải chịu “mức thuế chuyển tải” là 40% (thay vì mức 20%), kèm theo các khoản tiền phạt hoặc chế tài bổ sung khác mà CBP cho là phù hợp. Các mức phạt này sẽ không được giảm nhẹ hoặc miễn trừ trong bất kỳ trường hợp nào. Vì vậy, nếu không thể chứng minh hàng hóa không thuộc diện chuyển tải, doanh nghiệp có thể phải đối mặt với mức thuế trừng phạt cao gấp đôi dự kiến.

Vấn đề phức tạp là ở chỗ: Sắc thuế của Hoa Kỳ không định nghĩa như thế nào là “chuyển tải nhằm lẩn tránh thuế đối ứng”, và dường như nước này có ý định “dán nhãn” chuyển tải không chỉ cho các lô hàng mà còn cho các nhà xuất khẩu cụ thể, thậm chí cho cả quốc gia xuất khẩu.

Hình 2: Thuế đối ứng và chi phí tuân thủ của doanh nghiệp



Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2025

Ảnh hưởng tới tình hình nội tại của doanh nghiệp và năng lực cạnh tranh của sản phẩm

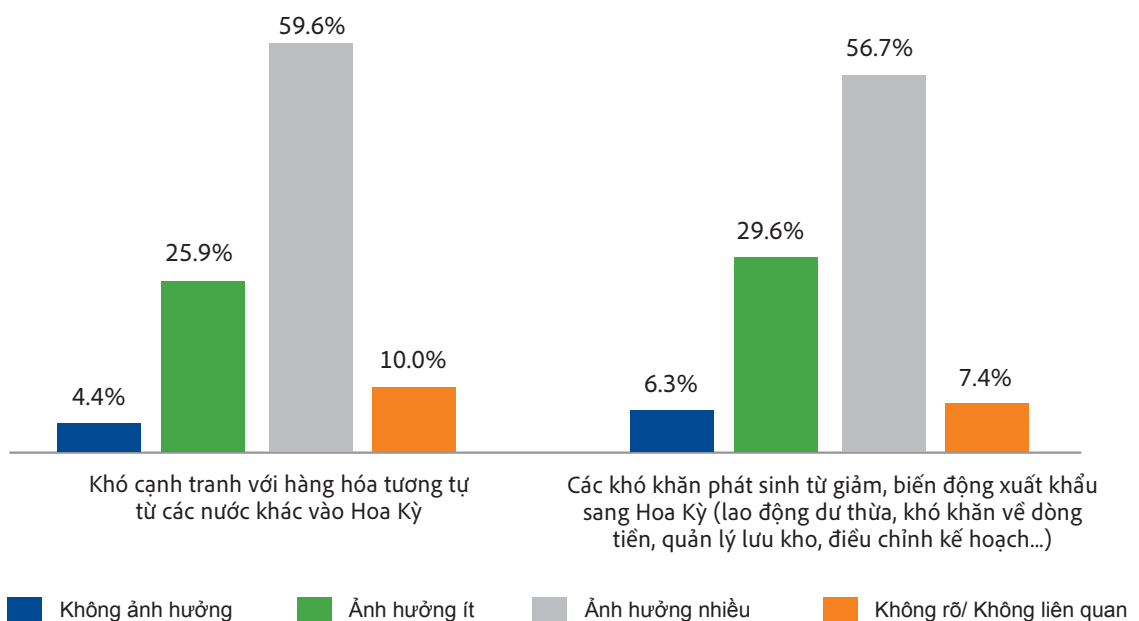
Nhóm ảnh hưởng bất lợi lớn thứ hai của thuế đối ứng 20% tới doanh nghiệp Việt Nam được ghi nhận từ Khảo sát gắn liền với các tác động phái sinh là hệ quả của việc áp mức thuế này tới tình hình kinh doanh nội tại của doanh nghiệp cũng như năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

Cụ thể, theo kết quả Khảo sát:

- ▶ Có tổng cộng 86,3% doanh nghiệp (gồm 56,7% chọn "ảnh hưởng nhiều" và 29,6% chọn "có ảnh hưởng chút ít") cho biết thuế đối ứng 20% đã/có thể khiến hoạt động xuất khẩu hàng hóa sang Hoa Kỳ của doanh nghiệp sụt giảm, giá bán giảm hoặc biến động... dẫn tới doanh thu và lợi nhuận giảm, thậm chí thua lỗ, khó khăn về dòng tiền, phát sinh nhiều chi phí xử lý (quản lý lưu kho hay các yêu cầu điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh đã chốt...), buộc phải cắt giảm lao động, giảm lương...
- ▶ Có tổng cộng 85,6% doanh nghiệp (gồm 59,6% chọn "ảnh hưởng nhiều" và 25,9% chọn "có ảnh hưởng chút ít") cho rằng thuế đối ứng 20% có thể khiến hàng hóa Việt Nam khó cạnh tranh với hàng hóa tương tự từ các nước khác trên thị trường Hoa Kỳ.

Từ góc độ cạnh tranh, các mức thuế đối ứng khác nhau mà Hoa Kỳ áp đặt lên hàng hóa của các nước xuất khẩu khác nhau suy đoán sẽ ảnh hưởng tới giá bán hàng, từ đó làm thay đổi cục diện cạnh tranh giữa các nước cung cấp các sản phẩm tương tự nhau trên thị trường Hoa Kỳ. Nước xuất khẩu hưởng mức thuế thấp hơn sẽ có lợi thế trong thu hút đơn hàng của các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ. "Mức lợi thế" trong nhiều trường hợp suy đoán bằng đúng với khoảng chênh lệch giữa các mức thuế đối ứng cho các nước.

Hình 3: Thuế đối ứng và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp



Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2025



Ảnh hưởng tới "cầu" ở Hoa Kỳ và áp lực cạnh tranh tại các thị trường khác

Khảo sát của VCCI cho thấy nguy cơ về việc giảm cầu ở thị trường Hoa Kỳ và tăng cạnh tranh ở các thị trường xuất khẩu khác được đánh giá là nhóm ảnh hưởng lớn thứ ba đối với doanh nghiệp Việt Nam.

Cụ thể, theo kết quả Khảo sát:

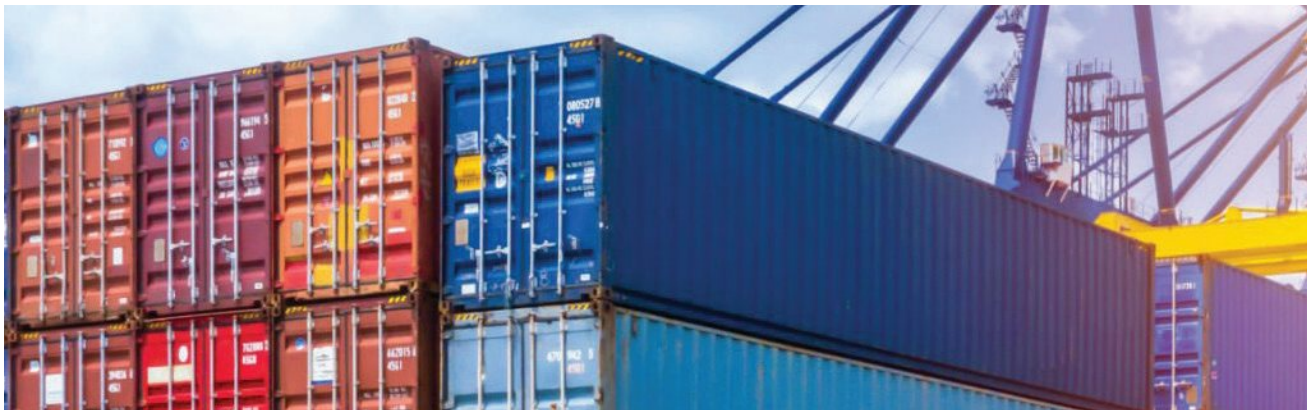
► Có tổng cộng 84,4% doanh nghiệp (gồm 53,7% chọn "ảnh hưởng nhiều" và 30,7% chọn "có ảnh hưởng chút ít") cho rằng các biện pháp thuế quan nói chung và thuế đối ứng nói riêng có thể sẽ khiến giá cả hàng hóa tăng, ảnh hưởng trực tiếp tới sức mua ở thị trường Hoa Kỳ, dẫn tới "Cầu" ở thị trường này với hàng hóa nhập khẩu giảm dần. Điều này nếu thành hiện thực sẽ tác động trực tiếp tới kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ, nhất là trong lâu dài.

Suy giảm cầu có thể dẫn tới đơn hàng giảm. Vì vậy, không ngạc nhiên khi có tới 83% phản hồi Khảo sát lo ngại về nguy cơ không thể tiếp tục ký các đơn hàng mới để xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong thời gian tới. Thông tin từ một số doanh nghiệp cho biết, số đơn hàng tiềm năng sang Mỹ đã giảm 50%-80% so với trước khi áp thuế đối ứng, thậm chí một số còn chưa thấy đơn hàng tiềm năng nào.

Trên thực tế, kim ngạch xuất khẩu của hàng hóa Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ trong những tháng cuối năm 2025 (sau khi thuế đối ứng 20% được áp dụng) vẫn đạt mức tăng trưởng ấn tượng (Xem Phần tin tức ở trên). Các số liệu thống kê dường như trái với nhiều dự báo trước đó về khả năng sụt giảm kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này sau khi mức thuế đối ứng 20% có hiệu lực.

Theo một số chuyên gia, có thể lý giải một phần điều này từ thực tế là nhiều đơn hàng xuất Mỹ giai đoạn cuối năm 2025 của doanh nghiệp đã chốt trước thời điểm thuế đối ứng 20% có hiệu lực. Hơn nữa, các mức thuế đối ứng trong thời gian đầu sẽ chưa gây ảnh hưởng lớn tới giá cả và sức mua ở thị trường Hoa Kỳ. Tuy nhiên, tình hình có thể sẽ rất khác trong thời gian tới, khi các mức thuế đối ứng thâm thấu sâu hơn vào giá cả và mức chi trả của người tiêu dùng Hoa Kỳ.

Vì vậy, lo ngại về nguy cơ giảm cầu ở thị trường Hoa Kỳ của doanh nghiệp tham gia Khảo sát vẫn có thể là rất hiện thực, và điều này nếu xảy ra có thể ảnh hưởng đáng kể tới hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam liên quan trong thời gian tới.

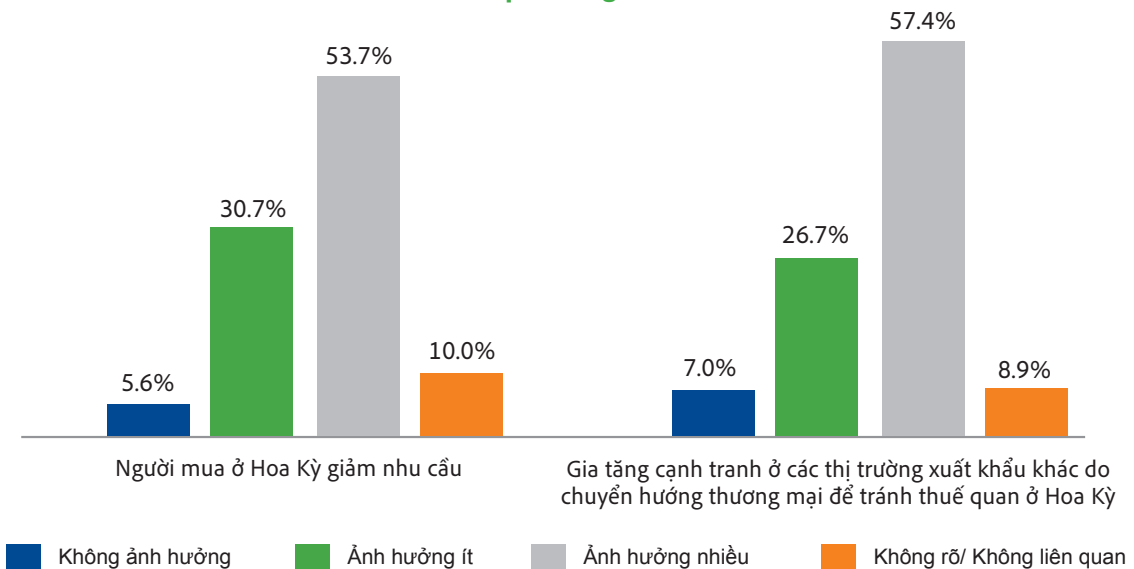


► Có 84,1% doanh nghiệp (gồm 57,4% chọn “ảnh hưởng nhiều” và 26,7% chọn “có ảnh hưởng chút ít”) cho rằng cạnh tranh ở các thị trường xuất khẩu khác sẽ khắc nghiệt hơn do dòng hàng hóa nước ngoài chuyển hướng để tránh thuế ở Hoa Kỳ.

Từ góc độ kinh tế, trong số các ảnh hưởng của thuế đối ứng, chuyển hướng thương mại có thể được xem là rủi ro lớn nhất trong lâu dài đối với các doanh nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng xuất khẩu. Nếu điều này xảy ra, tác động tiêu cực của

thuế đối ứng sẽ không chỉ giới hạn ở các doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng cho thị trường Hoa Kỳ mà còn mở rộng sang các doanh nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng hàng hóa xuất khẩu đi nhiều thị trường khác, nhất là các thị trường có nhu cầu và đặc điểm tiêu dùng tương đồng với Hoa Kỳ (như EU, Canada, Nhật Bản, Australia...). Khi đó, thuế đối ứng không chỉ là mối lo riêng của các doanh nghiệp xuất khẩu đi Hoa Kỳ, mà còn có thể tạo ra những tác động bất lợi tới cộng đồng các nhà cung cấp cho các chuỗi cung ứng hàng hóa xuất khẩu đi nhiều thị trường.

Hình 4: Thuế đối ứng và nguy cơ giảm cầu ở thị trường Hoa Kỳ, tăng cung ở các thị trường khác



Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2025





Những ảnh hưởng đáng chú ý khác

Ngoài 03 nhóm ảnh hưởng đứng đầu về mức độ nguy cơ ở trên, kết quả Khảo sát còn phản ánh lo ngại của doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng hàng hóa đi Hoa Kỳ về một số ảnh hưởng đáng kể khác, trong đó đáng chú ý là:

► Đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu, 73,7% số doanh nghiệp cho rằng việc các nhà xuất khẩu giảm đơn hàng đi Hoa Kỳ có thể sẽ khiến doanh thu của họ bị giảm sút đáng kể, nhất là với các doanh nghiệp chuyên cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động xuất khẩu hàng hóa đi Hoa Kỳ.

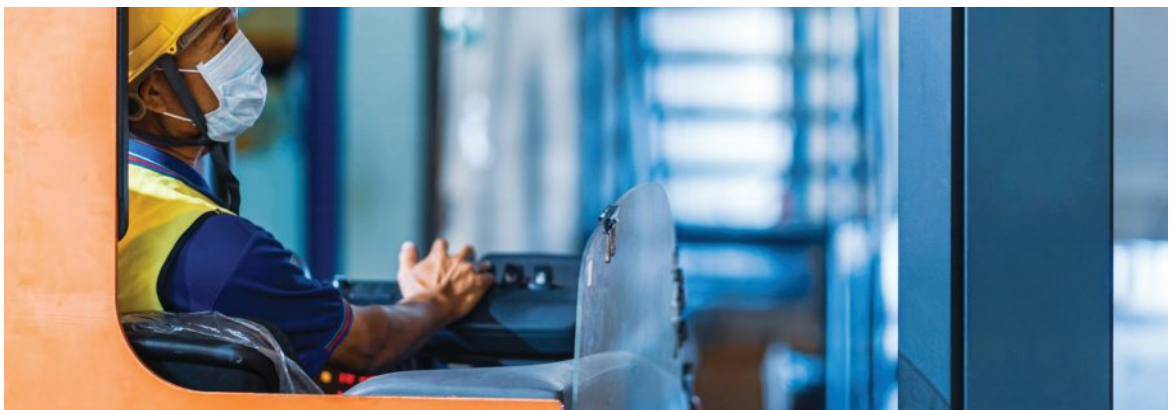
► 61,9% doanh nghiệp bày tỏ lo ngại rằng hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sau khi bị áp thuế đối ứng sẽ khó cạnh tranh với hàng hóa nội địa tương tự của Hoa Kỳ. Trên thực tế, bảo hộ hàng hóa nội địa chính là một trong những mục tiêu kỳ vọng của Hoa Kỳ khi áp đặt thuế đối ứng nói riêng và các loại thuế bổ sung từ đầu năm 2025 của nước này nói chung.

► Với một số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất xuất khẩu đang phụ thuộc đáng kể vào nguyên phụ liệu, linh kiện thiết bị nhập khẩu (đặc biệt là từ Trung Quốc), mức thuế đối ứng trừng phạt của Hoa Kỳ đối với các trường hợp chuyển tải đang gây sức ép lớn lên doanh nghiệp trong việc tìm kiếm phương án khả thi (cả về tài chính và nguồn cung) để thay thế các nguyên phụ liệu, vật tư này mà không làm ảnh hưởng quá lớn tới cạnh tranh của sản phẩm đầu ra. Đây vốn là thách thức lớn

với doanh nghiệp bởi dù đã mong muốn thay đổi trong nhiều năm qua nhưng chưa thể đạt được như kỳ vọng, nay buộc phải thực hiện trong thời gian ngắn lại càng không dễ dàng.

► Một số doanh nghiệp lo ngại về chi phí phát sinh đối với hàng mẫu gửi cho các đối tác Hoa Kỳ xem xét để cân nhắc ký hợp đồng. Theo phản ánh từ một số doanh nghiệp tham gia Khảo sát, các lô hàng mẫu có giá trị lớn khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ đã phải chịu thuế nhập khẩu thông thường (do không thuộc diện được miễn thuế), nay nếu phải chịu thêm thuế đối ứng thì sẽ làm gia tăng đáng kể chi phí cho doanh nghiệp, trong khi không có gì chắc chắn về khả năng đối tác sẽ ký đơn hàng.

► Một số doanh nghiệp còn dự báo về một nguy cơ xa nhưng không phải là không có khả năng xảy ra. Cụ thể, doanh nghiệp lo ngại việc Hoa Kỳ áp mức thuế đối ứng cao có thể sẽ thúc đẩy nhiều đối thủ cạnh tranh chuyển sản xuất sang Hoa Kỳ để tránh thuế, dẫn tới lượng hàng sản xuất tại Hoa Kỳ tăng lên đáng kể, từ đó khách hàng Hoa Kỳ sẽ không còn hoặc ít nhu cầu đặt hàng từ nước ngoài, trong đó có Việt Nam.

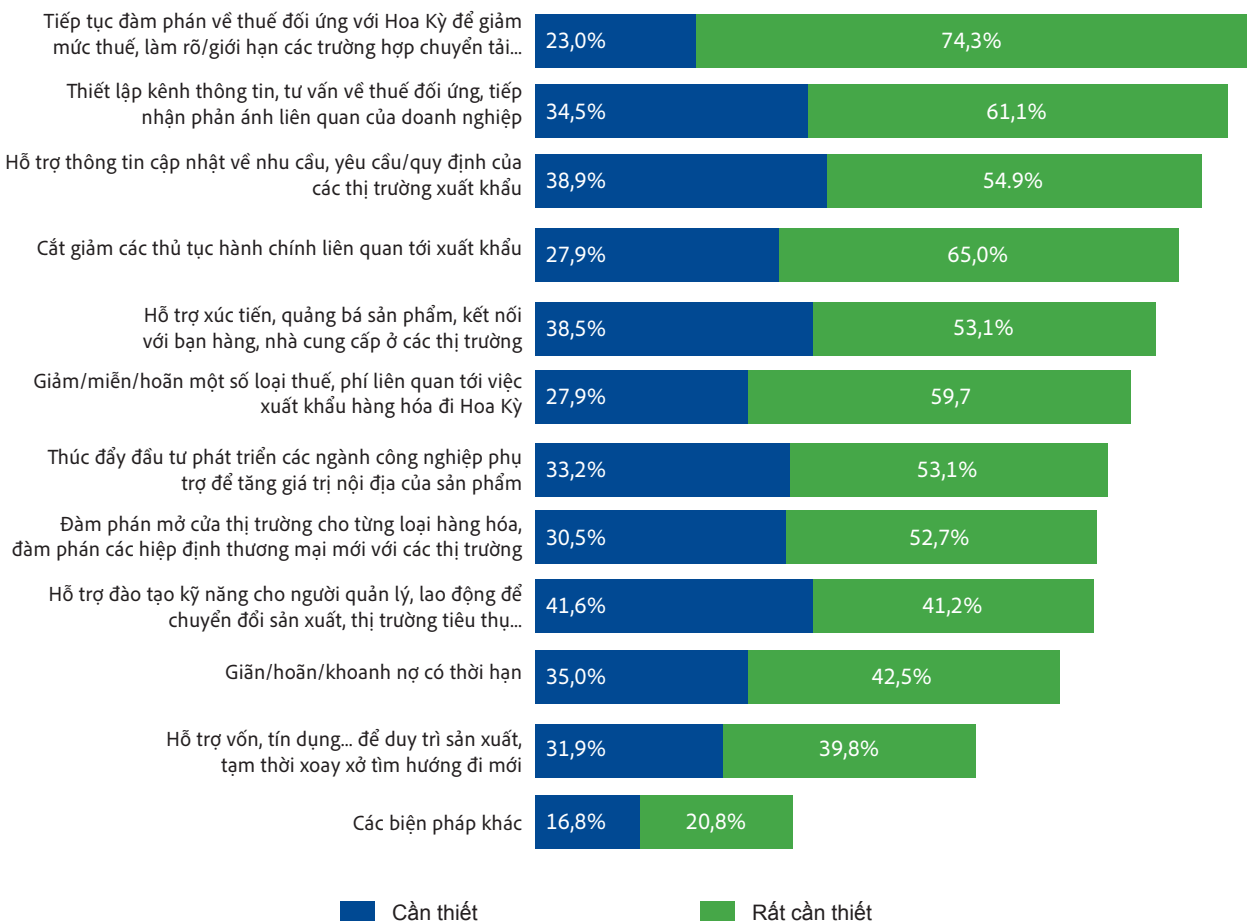


3 Các hỗ trợ mà doanh nghiệp kỳ vọng từ Chính phủ

Các phản hồi Khảo sát cho thấy tất cả doanh nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng hàng hóa sang thị trường Hoa Kỳ đều kỳ vọng nhận được sự hỗ trợ nhất định từ Chính phủ để có thể thích ứng và từng bước vượt qua rất nhiều các thách thức mà thuế đối ứng đang và sẽ buộc họ phải đối mặt.

Với từng loại hỗ trợ cụ thể, có từ 71,7% đến 97,4% doanh nghiệp cho biết họ cần hoặc rất cần Chính phủ triển khai.

Hình 5: Các biện pháp hỗ trợ mà doanh nghiệp đang kỳ vọng ở Chính phủ



Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2025



Đàm phán và cung cấp thông tin

Kết quả Khảo sát cho thấy nhóm biện pháp hỗ trợ mà nhiều doanh nghiệp kỳ vọng nhất ở Chính phủ liên quan trực tiếp tới mức thuế đối ứng 20% mà Hoa Kỳ áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Cụ thể:

- ▶ Có 97,4% doanh nghiệp (bao gồm 74,3% "rất cần" và 23% "cần") cho rằng cần thiết phải tiếp tục đàm phán với Hoa Kỳ để giảm mức thuế đối ứng xuống dưới 20%, cũng như làm rõ, xác định, giới hạn các trường hợp bị coi là chuyển tải nhằm lẫn tránh thuế đối ứng...

Trên thực tế, đây cũng là biện pháp khả thi về mặt kỹ thuật, khi mà Hoa Kỳ vẫn để ngỏ khả năng tiếp tục đàm phán song phương nhằm giảm mức thuế đối ứng với bất kỳ đối tác nào. Ngay cả trong trường hợp mức trần 20% không thể thay đổi thì việc đàm phán để đạt các mức thuế thấp hơn cho một số ngành hàng, một số nhóm sản phẩm cụ thể (đặc biệt là các nhóm hàng/sản phẩm mà Việt Nam có năng lực cạnh tranh tốt so với các đối thủ khác ở thị trường Hoa Kỳ) cũng là rất có ý nghĩa.

- ▶ Có tổng cộng 95,6% doanh nghiệp (bao gồm 61,1% "rất cần" và 34,5% "cần") ủng hộ việc Chính phủ thiết lập một kênh riêng về thuế đối ứng để thông tin, tư vấn, tiếp nhận và xử lý các phản ánh của doanh nghiệp trong các vấn đề liên quan tới loại thuế này.

Đầu mối thông tin về Thuế đối ứng - Tại sao?

Thực tế Khảo sát của VCCI cho thấy mặc dù các vấn đề về thuế đối ứng đã được thông tin khá dày đặc trên các phương tiện thông tin đại chúng và các trang thông tin điện tử của các Bộ ngành, địa phương, VCCI hay các hiệp hội doanh nghiệp (ví dụ Chuyên mục "Thuế quan thời Trump 2.0" trên tại địa chỉ www.wtovcci.vn của VCCI), vẫn còn không ít doanh nghiệp chưa hiểu rõ về bản chất, phạm vi và các loại trừ của thuế đối ứng.

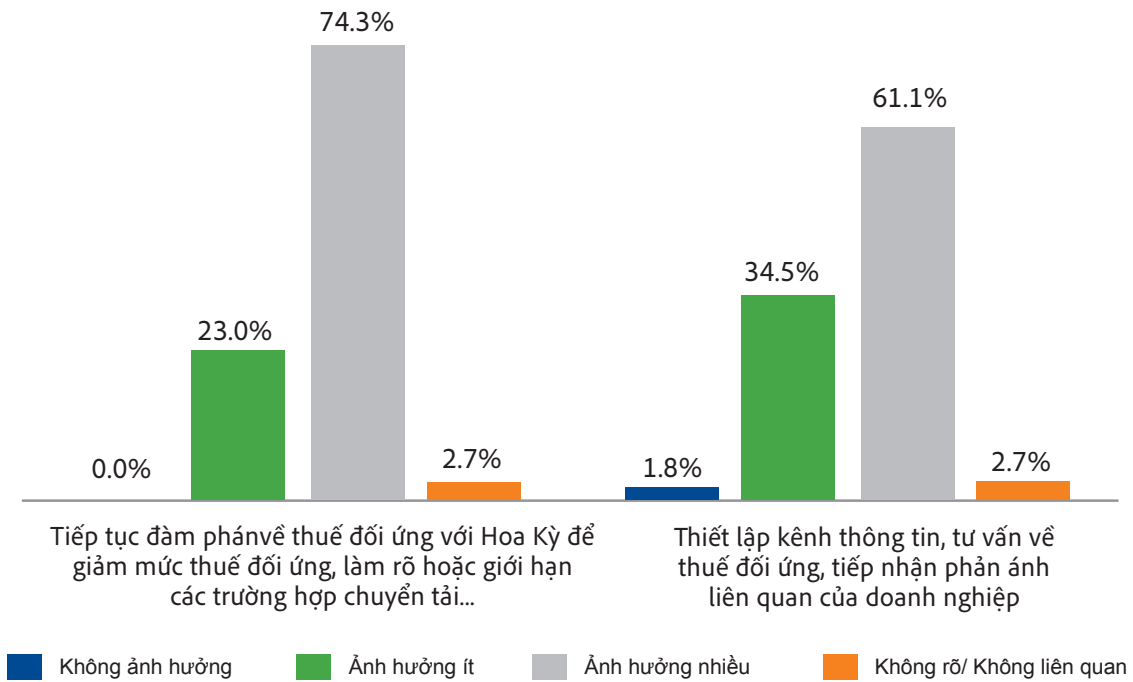
Ví dụ một số trường hợp hiểu nhầm rằng thuế đối ứng sẽ thay thế các loại thuế nhập khẩu Hoa Kỳ đang áp dụng, lại cũng có trường hợp nhầm lẫn rằng thuế đối ứng sẽ áp dụng cả với các sản phẩm như sắt thép, đồng... (vốn đã được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng theo các Sắc thuế về thuế đối ứng).

Hơn nữa, nhiều vấn đề cụ thể liên quan tới thuế đối ứng áp dụng cho Việt Nam có thể sẽ được đàm phán riêng, và doanh nghiệp chỉ có thể tiếp cận trên kênh thông tin chính thống của Cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài ra, quá trình thực thi thuế đối ứng có thể rất phức tạp, đặc biệt liên quan tới các nguy cơ bị cáo buộc chuyển tải nhằm gian lận thuế. Và doanh nghiệp cần có một kênh để phản ánh cũng như nhận được các trợ giúp từ góc độ chính sách về vấn đề này khi cần thiết.

Cũng liên quan tới nội dung này, một số doanh nghiệp còn kiến nghị Chính phủ chỉ định một đơn vị đầu mối để thường xuyên thông tin, tư vấn, đánh giá, nghiên cứu dự báo cho doanh nghiệp về diễn tiến và tác động của mọi biện pháp thuế mới của Hoa Kỳ (mà không chỉ là thuế đối ứng). Trong bối cảnh Hoa Kỳ đang lần lượt công bố một loạt biện pháp thuế đánh vào từng nhóm hàng hóa (mà trước đó USTR được Tổng thống Trump giao điều tra theo Điều 232) như đồng, dược phẩm, tủ bếp, tủ lavabo, đồ nội thất bọc đệm..., kiến nghị này của doanh nghiệp là rất đáng quan tâm.

Hình 6: Giải pháp đàm phán và cung cấp thông tin thuế đối ứng



Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2025





Mở rộng, đa dạng hóa thị trường

Trong bối cảnh thuế đối ứng nói riêng và căng thẳng thuế quan nói chung ở Hoa Kỳ đang khiến cho việc tiếp cận và duy trì thị phần hàng hóa Việt Nam ở thị trường này trở nên bất ổn, đa dạng hóa thị trường thông qua việc mở rộng xuất khẩu sang các thị trường khác để không phụ thuộc quá mức vào thị trường Hoa Kỳ là giải pháp vừa cấp bách và vừa lâu dài cho các doanh nghiệp xuất khẩu.

Tuy nhiên, điều này không hoàn toàn dễ dàng, nhất là đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa với nguồn lực và khả năng xúc tiến hạn chế, lại đang gặp nhiều khó khăn từ các ảnh hưởng của thuế đối ứng.

Hơn thế nữa, đa dạng hóa thị trường không phải là mục tiêu riêng của xuất khẩu Việt Nam mà còn là giải pháp chung của hầu hết các nguồn cung quốc tế đang phải đối mặt với hàng rào thuế quan ở Hoa Kỳ. Nói cách khác, dưới tác động của chuyển hướng thương mại, cạnh tranh trong thu hút các đơn hàng ở các thị trường xuất khẩu khác trở nên phức tạp hơn nhiều lần.

Do đó, ngoài các nỗ lực tự thân, doanh nghiệp rất cần sự hỗ trợ từ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đây có thể là lý do giải thích tại sao nhóm hỗ trợ liên quan tới giải pháp đa dạng hóa thị trường này đứng thứ 2 trong số các biện pháp hỗ trợ mà doanh nghiệp cho là cần thiết nhất trong Khảo sát. Cụ thể:

► Có tổng cộng 93,8% doanh nghiệp (bao gồm 54,9% "rất cần" và 38,9% "cần") có nhu cầu được Chính phủ hỗ trợ cung cấp các thông tin cập nhật về nhu cầu của thị trường cũng như các quy định liên quan tới nhập khẩu hàng hóa của các thị trường xuất khẩu.

Trên thực tế, đây là các công việc mà nếu từng doanh nghiệp tự làm thì sẽ rất tốn kém và có thể không thật hiệu quả (đặc biệt nếu chỉ thực hiện tại một thời điểm và không cập nhật thường xuyên). Trong khi đó, nếu các thông tin thị trường do các cơ quan, tổ chức chuyên môn (ví dụ Cục Xúc tiến Thương mại hoặc các Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường...) tổng hợp và chia sẻ công khai, hiệu quả với doanh nghiệp sẽ tốt hơn hẳn, đồng thời phạm vi doanh nghiệp thụ hưởng cũng được mở rộng thêm gấp nhiều lần.

► Có 91,6% doanh nghiệp (bao gồm 53,1% "rất cần" và 38,5% "cần") mong muốn được Chính phủ hỗ trợ xúc tiến, quảng bá sản phẩm, kết nối với bạn hàng, nhà cung cấp ở các thị trường xuất khẩu.

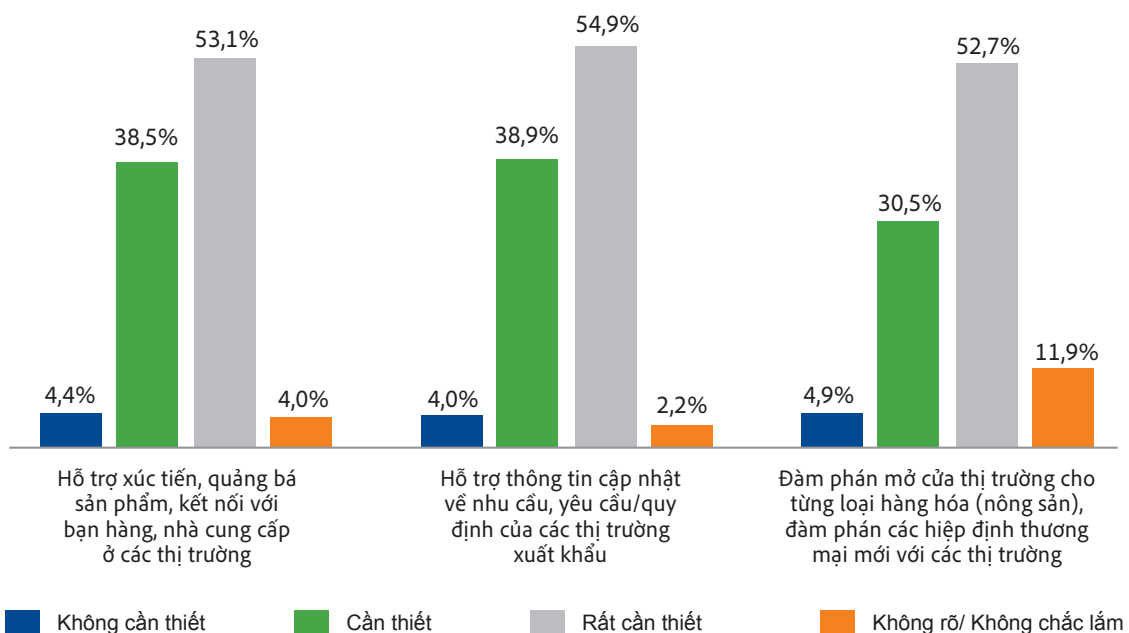
Nhiều thống kê đã chỉ ra rằng các sự kiện xúc tiến và kết nối chung, được tổ chức, điều phối hoặc giới thiệu bởi các cơ quan, tổ chức xúc tiến có thể mang lại hiệu quả hơn nhiều lần so với các hoạt động đơn lẻ do doanh nghiệp tự thực hiện. Để hỗ trợ doanh nghiệp ở khía cạnh này, bên cạnh các hình thức truyền thống, các cơ quan, tổ chức xúc tiến có thể cân nhắc tổ chức các hoạt động xúc tiến, kết nối trực tuyến để mang lại hiệu quả cao hơn, với nhiều doanh nghiệp được thụ hưởng, trong khi không quá tốn kém nguồn lực.

► Bên cạnh đó, cũng có 83,2% doanh nghiệp (bao gồm 52,7% "rất cần" và 30,5% "cần") mong muốn các cơ quan có thẩm quyền tiếp tục tiến hành các đàm phán mở cửa thị trường cho hàng hóa (ví dụ nông sản), đàm phán các hiệp định thương mại tự do FTA (mới hoặc nâng cấp các hiệp định đã có).

Đây là các giải pháp mở rộng thị trường mà chỉ có Chính phủ mới có thể thực hiện được cho doanh nghiệp. Trên thực tế, Chính phủ và các Bộ ngành cũng đã có các cân nhắc và hành động cụ thể để thúc đẩy thị trường theo hướng này (ví dụ Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã và đang đàm phán để một số thị trường chấp nhận nhập khẩu nhiều loại rau quả chính ngạch, hoặc Bộ Công Thương đã/đang nghiên cứu tính khả thi cho việc đàm phán FTA với khối Mercosur ở thị trường Nam Mỹ, thúc đẩy ký kết và phê chuẩn các FTA đầu tiên với thị trường châu Phi, hay đàm phán nâng cấp một số FTA đã có trong khu vực ASEAN...). Tuy nhiên, trong bối cảnh căng thẳng thuế quan ở Hoa Kỳ đang phức tạp như hiện nay, các hoạt động này cần được đẩy nhanh hơn, tích cực và quyết liệt hơn để sớm có kết quả mong muốn.



Hình 7: Nhu cầu hỗ trợ để mở rộng, đa dạng hóa thị trường



Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2025



Cải cách thủ tục hành chính, miễn giảm thuế phí

Kết quả Khảo sát cho thấy nhóm các hỗ trợ về thủ tục hành chính và thuế phí nhận được nhiều quan tâm và đề xuất ở mức rất cao từ phía doanh nghiệp, không chỉ đối với các đơn hàng xuất Mỹ mà còn cả với các đơn hàng xuất khẩu đi các thị trường khác. Cụ thể:

► Có tới 92,9% doanh nghiệp (bao gồm 65% "rất cần" và 27,9% "cần") đề nghị Chính phủ cắt giảm các thủ tục hành chính liên quan tới xuất khẩu.

Đáng chú ý, các thủ tục được doanh nghiệp lựa chọn ở đây là các thủ tục chung áp dụng cho hàng hóa xuất khẩu sang tất cả các thị trường (không phải chỉ riêng thị trường Hoa Kỳ). Có thể thấy mong muốn này của doanh nghiệp tương đối thống nhất với nhu cầu được hỗ trợ để mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, bởi cắt giảm thủ tục hành chính cũng góp phần quan trọng để giảm chi phí, qua đó cải thiện năng lực cạnh tranh về giá cho sản phẩm.

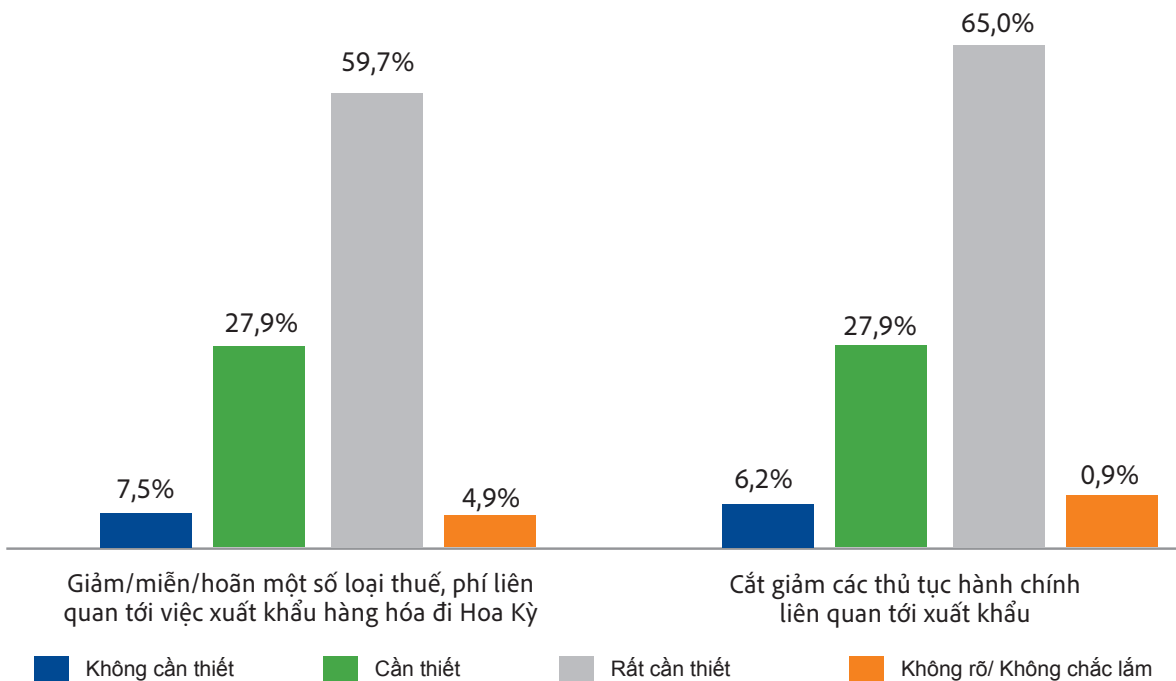
► Riêng với các lô hàng xuất khẩu đi Hoa Kỳ, để tiết giảm chi phí trong bối cảnh thuế bổ sung quá cao, có tới 87,6% doanh nghiệp (bao gồm 59,7% "rất cần" và 27,9% "cần") đề nghị Chính phủ hỗ trợ doanh nghiệp bằng cách xem xét giảm, miễn hoặc hoãn một số loại thuế phí liên quan tới việc xuất khẩu hàng hóa đi Hoa Kỳ.

Cũng liên quan tới thuế, phí, nhiều ý kiến doanh nghiệp cho rằng những khó khăn ở thị trường Hoa Kỳ cũng ngay lập tức dẫn tới sức ép cho doanh nghiệp ở các thị trường khác. Vì vậy, trong lâu dài, các chính sách miễn, giảm thuế, phí liên quan tới xuất nhập khẩu nói chung (không chỉ với thị trường Hoa Kỳ) và các loại thuế, phí ảnh hưởng lớn tới doanh nghiệp (như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng...) cũng rất cần thiết cho doanh nghiệp.



Thông tin từ doanh nghiệp cho thấy nhìn từ kinh nghiệm quốc tế (đặc biệt là Trung Quốc), đây là những giải pháp hợp lý để hỗ trợ ngay và thiết thực cho các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu đang phải chịu ảnh hưởng trực tiếp và nặng nề từ bối cảnh cạnh tranh thuế quan toàn cầu trong khi không tổn kém quá nhiều của Ngân sách.

Hình 8: Kỳ vọng cải cách thủ tục hành chính, miễn giảm thuế phí



Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2025





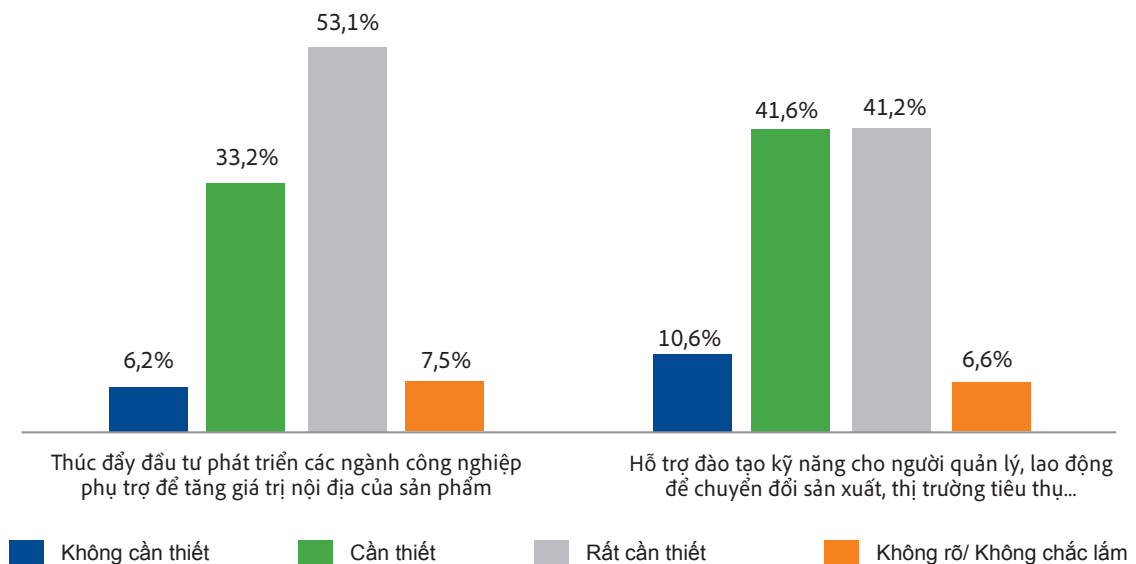
Hỗ trợ cải thiện các nguồn đầu vào (nguyên phụ liệu, lao động...)

Hỗ trợ cải thiện các nguồn đầu vào cho doanh nghiệp cũng là giải pháp cần thiết để nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm xuất khẩu. Liên quan tới thuế đối ứng, hỗ trợ để gia tăng nguồn cung nguyên phụ liệu đầu vào nội địa còn là cách thức không thể tốt hơn để hạn chế tối đa nguy cơ bị cáo buộc “chuyển tải để lẩn tránh thuế đối ứng”.

Kết quả Khảo sát cũng cho thấy doanh nghiệp có nhu cầu khá cao về các hỗ trợ này, cụ thể:

- ▶ Có tổng cộng 86,3% doanh nghiệp (bao gồm 53,1% “rất cần” và 33,2% “cần”) đề xuất Chính phủ ban hành các chính sách để thúc đẩy đầu tư phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, gia tăng giá trị nội địa của sản phẩm.
- ▶ Trong khi đó, 82,7% doanh nghiệp (bao gồm 41,1% “rất cần” và 41,6% “cần”) mong muốn Chính phủ hỗ trợ đào tạo kỹ năng cho nhân lực quản lý, người lao động..., qua đó tạo điều kiện để doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị, chuyển đổi sản xuất thuận lợi hay xúc tiến mở rộng thị trường hiệu quả hơn...

Hình 9: Nhu cầu hỗ trợ cải thiện các nguồn đầu vào



Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2025

Cũng liên quan tới vấn đề này, một số doanh nghiệp kiến nghị Chính phủ xem xét một số giải pháp khác nhằm hỗ trợ doanh nghiệp giảm chi phí đầu vào, ví dụ:

- ▶ Giảm thuế nhập khẩu đối với một số loại nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất;
- ▶ Có cơ chế phù hợp để doanh nghiệp nhỏ có thể tiếp cận nhà xưởng trong các khu công nghiệp (ví dụ thiết kế các nhà xưởng diện tích nhỏ 500-1000m²);
- ▶ Có cơ chế cung cấp điện hợp lý để doanh nghiệp có thể được sử dụng điện với giá gốc (ví dụ xây dựng các trạm biến áp dùng chung cho các doanh nghiệp nhỏ, để doanh nghiệp không phải tự đầu tư lắp đặt trạm biến áp tốn kém hoặc phải mua lại điện với giá cao từ trạm biến áp của doanh nghiệp lớn);
- ▶ Có các biện pháp khuyến khích doanh nghiệp nội địa hợp tác, kết nối, hoặc các biện pháp hỗ trợ khác để doanh nghiệp nội địa có thể cạnh tranh và tồn tại trong bối cảnh các nguồn cung nước ngoài giảm giá mạnh khi phải chuyển hướng khỏi thị trường Hoa Kỳ.





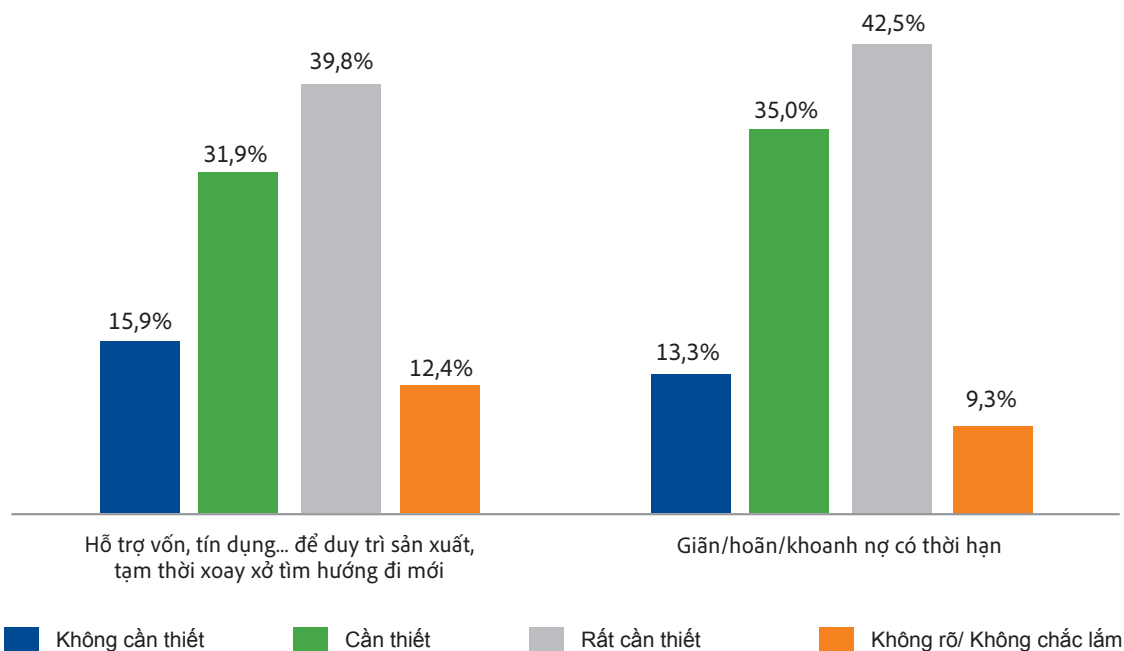
Các hỗ trợ về tài chính

Từ các kết quả Khảo sát, có thể thấy đa số các ảnh hưởng từ mức thuế đối ứng 20% với doanh nghiệp cuối cùng đều quay về vấn đề tài chính. Khó khăn về tài chính có thể được xem là vấn đề lớn nhất với doanh nghiệp khi Hoa Kỳ áp dụng loại thuế này.

Mặc dù vậy, theo Khảo sát, tỷ lệ doanh nghiệp phản hồi về nhu cầu được Chính phủ hỗ trợ tài chính mặc dù vẫn chiếm đa số nhưng lại thấp nhất trong số các nhóm hỗ trợ được đề xuất. Cụ thể:

- ▶ Có tổng cộng 77,4% doanh nghiệp (bao gồm 42,5% "rất cần" và 35% "cần") có nhu cầu được giãn, hoãn các khoản nợ có thời hạn.
- ▶ Có 71,7% doanh nghiệp (bao gồm 39,8% "rất cần" và 31,9% "cần") có nhu cầu được hỗ trợ vốn, tín dụng... để duy trì sản xuất, tạm thời xoay sở tìm ra hướng mới.

Hình 10: Nhu cầu hỗ trợ về tài chính



Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2025



Ở góc độ khác, khá nhiều doanh nghiệp không đề xuất các hỗ trợ vốn hay tín dụng mà đề xuất các giải pháp gián tiếp “hỗ trợ tài chính” cho doanh nghiệp mang tính thực chất và khả thi hơn, ví dụ:

- ▶ Đề xuất các Cơ quan liên quan đơn giản hóa thủ tục, đẩy nhanh quy trình hoàn thuế (VAT, thuế nhập khẩu....) cho doanh nghiệp. Đây là hình thức hỗ trợ thiết thực nhất để cải thiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, có thêm dòng vốn lưu động để cầm cự trong giai đoạn khó khăn.
- ▶ Đề xuất các Cơ quan liên quan rút ngắn thời gian xử lý, cắt giảm nhiều thủ tục xuất khẩu - nhập khẩu, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp xử lý kịp thời các vướng mắc liên quan, nếu có, qua đó giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí tuân thủ, rút ngắn thời gian thực hiện đơn hàng, góp phần gia tăng khả năng cạnh tranh về thời gian và giá cho doanh nghiệp.

Tóm lại, từ Khảo sát của VCCI, có thể thấy tất cả các doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng hàng hóa sang thị trường Hoa Kỳ đều đang chịu các ảnh hưởng nặng nề từ mức thuế đối ứng 20% mà Hoa Kỳ áp dụng cho hàng hóa Việt Nam. Không chỉ các đơn hàng sang thị trường Hoa Kỳ mà cả triển vọng cạnh tranh ở các thị trường khác cũng chịu các tác động rất bất lợi từ mức thuế này. Một tỷ lệ lớn các doanh nghiệp đang chứng kiến tình trạng sản xuất đình đốn, khó khăn về dòng tiền, dư thừa dẫn tới phải cho lao động nghỉ việc...

Trước tình hình này, doanh nghiệp kỳ vọng Chính phủ tiếp tục đàm phán với phía Hoa Kỳ, cung cấp thông tin thường xuyên cho doanh nghiệp, đồng thời cung cấp các hỗ trợ thực chất để mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, cắt giảm thủ tục hành chính và các loại thuế phí, thúc đẩy đầu tư phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, hỗ trợ đào tạo kỹ năng, ưu đãi về tín dụng, hoãn, giãn các khoản vay...

Tuy nhiên, được thực hiện trong tháng 9/2025, Khảo sát của VCCI có thể chưa bao trùm hoặc chưa phản ánh hết các ảnh hưởng, tác động thực tế của thuế đối ứng đối với doanh nghiệp theo các điều chỉnh về phạm vi, mức thuế sau đó của Hoa Kỳ. Vì vậy, sau Báo cáo này, VCCI vẫn tiếp tục theo sát tình hình, tổng hợp và phản ánh các khó khăn, đề xuất của các doanh nghiệp Việt Nam liên quan tới thuế đối ứng của Hoa Kỳ, qua đó hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp ứng phó hiệu quả với các biến động thuế quan, tiếp tục xuất khẩu bền vững./



**PHÒNG WTO VÀ HỘI NHẬP, BAN PHÁP CHẾ
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Kim Liên, Hà Nội
Điện thoại: +84 24 35771458 Email: banthuky@trungtamwto.vn
Facebook.com/trungtamwtovahoinhap.

www.trungtamwto.vn

www.chongbanphagia.vn

www.aecvcci.vn